

Viết gì cũng không trúng, là trúng
Nói gì cũng không trúng, là trúng
Nghĩ gì cũng không trúng, là trúng

Như Huyền Thiền Sư

NHỚ HUỖN THIÊN SỔ

NGOÙN TAY CHÆ TRAÊNG



T H Ô

Tröic Chæ Ñeà Cöông

Lieäu Lieäu Ñöông, Ñoài Tæ Döông, Thoàn Laïc Sôn, Xaõ Phuru Sôn, Laâm Haø, Laâm Ñoàng
NT. 091 3773791 - 094 6918359

Website:

www.chuavietnam.com

www.lieulieuduong.org

www.lieulieuduong.info

www.thaohoiyam.vn

TỰA

Trắng vàng hiện hữu tồn tại trong bầu thái hư xanh thẳm thì tác dụng của NGÏN TAY CHỈ TRẮNG mãi cịn đem lại lợi ích cho ai đĩ ở cõi nhân gian. Trắng tồn tại vớ cùng thì NGÏN TAY CHỈ TRẮNG cần phát huy lên một tâm cao mới. Khế kinh của đạo Phật là trắng, “Trí tuệ, Văn, Tu” người thương mình khéo vận dụng thì đĩ là ngĩn tay, là NHỮNG NGÏN TAY CHỈ TRẮNG hiện hữu trường cửu vớ vầng trắng lồng lộng ấy trong bầu thái hư bất diệt.

NGÏN TAY CHỈ TRẮNG 7 cùng một mục đích chỉ trắng như những ngĩn tay chỉ trắng trước nĩ. Ngĩn tay chỉ trắng nhằm giới thiệu cho những Tăng Ni trẻ, cho những Phật tử thích tham thiền, từng đối tượng thiền lồng qua những “Thiền thơ” mà không thơ ấy.

Cĩ uống trà mới thưởng thức được hương vị của trà.

Cĩ tận ý ngắm trắng mới thấy được trắng. Ngĩn tay chỉ trắng không bao giờ là trắng được!

Đối tượng tham thiền 1

TÀ HUY TỰ CẢM

*Thiên nhiên sơn thủy cõi hồng hoang
Nhật xuất, tà huy, bóng ác vàng!
Tuổi tác, sắc danh mê, thấy có!
Cơ đồ sự nghiệp chấp, ôm mang!
Tà Dương soi sáng vô minh hết!
Liều Liều thiền sâu Bát nhã sang!
Ríu rít đàn chim ôn... pháp... thoại...
Chuông chùa giục tỉnh mộng trần gian!*

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Những nhà thiên văn học thông thái, người ta đã nói mặt trời là một định tinh, cho tới ngày nay năm 2012 thế kỷ XXI chưa có người phản đối. Và ai cũng biết mặt trời chỉ có một, vậy mà nào là nhật xuất bình minh, nhật một tây trầm, tà dương soi sáng, tà huy bóng láng bóng chiều... người ta đã mỹ từ hóa mặt trời với nhiều danh ngôn như vậy. Danh ngôn tuy khác, nhưng mặt trời là mặt nhật, trước sau chỉ một mà thôi.

Tuổi tác, sắc danh, cơ đồ, sự nghiệp và địa vị, hễ mê thì thấy có thật, có cừ mang ôm ấp khổ đau thật. Cừ mang, ôm ấp thấy có thật là do mê, mà mê là tên khác của vô minh, là đen tối, là si ám...! Dưới ánh sáng mặt trời tà dương tỏa rạng thì vô minh hết. Người vận dụng tư duy, quán chiếu, thiền sâu sẽ phát sanh Tuệ nhãn, sẽ thấy rõ “Liễu liễu kiến vô nhất vật”, sẽ thấy rõ “Đại thiên sa giới hải trung âu”... Đó là thành quả của một Thiền giả đã vào được ngôi nhà Bát nhã Ba la mật.

Với tâm tư thiền quán thông qua Bát nhã Ba la mật, Thiền giả sẽ nghe tiếng gió thoảng, ve ngâm, chim kêu và nhìn hoa rơi lá rụng đều là pháp âm, pháp thoại và pháp lạc...

Nếu may mà Thiền giả sống trong cảnh thiên nhiên sơn thủy hồng hoang, thỉnh thoảng một tiếng chuông chùa buông nhẹ ngân nga thì rõ là tiếng chuông chùa giục tỉnh mộng trần gian cho những ai đang mê mộng! ...

Ngày 20/1/2012 (27 Tết -Tân Mão)



Đối tượng tham thiền 2

HIẾU TỬ?

*Tục đế giờ ni đã tám ba
Rời xa thân mẫu cũng như cha
Ngày đơm thúng quảy buông trôi hết
Tông tộc sinh ông được cái gì?*

Trả lời:

*Cha mẹ sinh ra có cái tôi!
Nên người nhờ bạn các ông ôi!
Như Lai Chánh giác người anh lớn
“Hậu thế dương danh” đủ ĐẠO rồi!(*)*

Liễu Liễu Đường, Đồi Tà Dương

Ngày 15/01/2010 (01-12-Kỷ Sửu)

(*) 立身行道揚名於後世 - 以顯其父母孝之終也

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Luân lý, phong tục, tập quán của người Á Đông, hiểu là một đạo lý được tôn trọng liệt vào hàng đầu, đối với các đạo lý khác. Ngày xưa chế độ phong kiến Trung Quốc, chế định tội ngũ hình gồm nhiều tội danh, tội trạng, nhưng tội bất hiếu là tội nặng hơn hết. Người con trai trong một gia đình của gia tộc nào đó mà không sanh được con trai, thì người ấy coi như một người con phạm tội bất hiếu. Là một hiếu tử trong gia đình, lớn lên phải lập gia thất và phải có sanh con trai để nối dõi... Gia đình sanh bao nhiêu con gái mà không có con trai... thì xã hội lên án đó là một gia đình vô cùng bất hạnh vì “tuyệt tự”...!

Đối với luân lý, phong tục, tập quán của những nước Á Đông chịu ảnh hưởng trực tiếp với Trung Quốc, xưa cũng như nay, gia đình nào cũng cần phải có con trai để nối dõi, để thờ phụng tổ tiên, để cúng giỗ cúng chạp, hương khói cửu huyền...! Thế cho nên người ta quý con trai, xem thường con gái, thậm chí người ta đặt ra cái luân lý đạo đức: “Nữ sanh ngoại tộc”...!

Học đạo Phật, tu theo đạo Phật, phải tập xem thường cái chân lý đạo đức theo kiểu nói trên... Ở

vào thế kỷ 21 ngày nay đến năm 2012, người có trí sáng suốt không điếc, không đui thì ai cũng biết rõ cái luân lý trọng nam khinh nữ là thứ luân lý không chân lý, thứ luân lý lạc hậu lè tè chẳng có hay ho gì...!

Thờ phụng, hương lửa, cúng bái, khẩn nguyện tổ tiên chỉ là phong tục tập quán và một thứ luân lý. Người bằng lòng vào đạo Phật thiết, học chánh pháp thiết, hâm mộ lý tưởng Giác ngộ Giải thoát thiết, và đã được từng phần Giác ngộ Giải thoát, người ta không còn có ý tưởng trọng nam để nổi dôi tông đường... không còn có ý tưởng khinh nữ bởi nữ sanh ngoại tộc...!

Người đệ tử Phật có Giác ngộ, có Giải thoát, người ta đã nhận chân chân lý “Ngũ uẩn”, “Thất đại”: Nhân duyên hòa hợp gọi là sanh, nhân duyên chia ly gọi là diệt, sự diệt sanh sanh diệt ấy không có đầu mối, cũng không có cuối cùng, có thơ rằng:

*Ta sẽ hòa tan với pháp thân
Viễn ly căn cảnh viễn ly trần
Ấm thân vô chủ chừ vô dụng
Duyên khởi từ không trở lại không.*

Nếu đã học, đã hiểu bài thơ ấy thì cái luân lý trọng nam khinh nữ... thờ phụng... nổi dôi tông đường... còn có giá trị gì? ...

Người đệ tử Phật chân chánh xuất gia là người “Miễn ly hương đảng, thế phát bầm sư”, có nghĩa là người đã rời bỏ gia đình, rời bỏ thân tộc xóm làng, cạo tóc xuất gia học đạo, là người cắt đứt mọi dây mơ rễ má ràng buộc của thân nhân tông tộc. Việc thờ phụng hương lửa cúng bái... nếu chưa dứt bỏ hẳn, thì nên coi đó là một tập quán chưa trừ, lập trường chưa dứt khoát.

Người xưa nói: 生我者父母成我者朋友 (...
Sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu...)
Cha mẹ sanh ta, bạn bạn làm nên cho ta.

Đức Phật là người anh lớn của hàng đệ tử Phật chúng ta. Chúng ta nên vui mừng, nhiệt liệt vui mừng vì chúng ta có một người anh lớn trên cả tuyệt vời. Nguồn tư tưởng tham danh hiệu vị của Nho gia, họ cho rằng: “Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiển kỳ phụ mẫu, hiếu chi chung dã”, có nghĩa là lập thân hành đạo danh tiếng để lại đời sau, rạng rỡ cho cha mẹ, cho tông phong, đó là cách trả hiếu của một người hiếu tử. Người đệ tử Phật học đạo, hành đạo, đặc đạo không hề có ý đồ, không mục đích làm rạng rỡ cho cha mẹ, vinh hiển cho tông phong, mà học đạo hành đạo làm tròn vai trò tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn là hiếu tử với cha mẹ, với đức Phật và với cả chúng sinh nữa...!

Liễu Liễu Đường

10giờ00 trưa, ngày 21/07/2012

(03-06 -Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 3

TRƯỜNG HỌC KHÔNG TÊN

(Nhớ bạn...)

*Giọng gà gáy sáng ẻ ẻ e
Chợt nhớ năm xưa, nhớ bạn bè...
Đứa giỏi chơi bi, thằng giỏi chông...
Đáo tường, đáo lạc, nhóm chơi bài!*

4 giờ, ngày 19/01/2010
(Mùng 5/12/Kỷ Sửu)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thực tế trên cõi đời, trong cái rủi ro nào cũng có ít nhiều may mắn; trong cái may mắn nào cũng có nhiều ít rủi ro. Thời thơ ấu tôi sống trong môi trường hoàn cảnh của một gia đình nông dân chất phác, nhưng cũng may là ông bà để lại cho cha mẹ một ít vườn đất, cho nên sống cảnh nông dân mà vượt qua cái cảnh khổ của người nông nô. Tôi không có được cái may mắn như những người bạn thiếu thời của tôi, họ được nuôi dưỡng chăm sóc dạy dỗ tốt, được đi học... trường làng, rồi trường tỉnh... rồi họ học cả tiếng Pháp, tiếng Mỹ... Còn tôi, thì chỉ được đi học ở TRƯỜNG HỌC KHÔNG TÊN. Trường học không tên là trường tự phát của những ông thầy đồ bất đắc chí “Tiến vi quan thoái vi sư” chỉ dạy chữ Nho, hồi đó gọi là chữ “An Nam”. Trường học không tên vị trí của nó cũng tự phát, cho nên nó ở bìa làng cuối ấp nào đó, chẳng ai biết đến tuổi tên. Như đã nói nhờ rủi ro, chỉ được học với những ông thầy đồ bất đắc chí ấy nên tôi chỉ được học chữ Nho, còn tiếng Tây tiếng U... gì gì... đều không được học. Và cũng trong cái rủi ro có ít nhiều may mắn, khi bước vào tuổi trưởng thành thì tôi lại làm “Ông Đạo Sáu” ở một ngôi chùa... làng. Như đã nói, trong rủi có may, tôi

được đi học vào một trường Phật học ở Sài Gòn sau khi xuất gia 1 năm 4 tháng. Và từ đó tới nay, trong cái may mắn ấy lại có cái rủi ro, tôi mang danh một Tu sĩ Phật giáo, một thầy tu chính hiệu như ai, nhưng lại không ai mời đi cúng đám và cũng chẳng đi cúng đám cầu nguyện lễ bái thay thế cho ai. Do vậy, công danh không, sự nghiệp không, chùa chiền tượng tháp cũng không... Cho tới bây giờ gần hết cuộc đời chỉ ở bên chân rừng mé suối trên một vùng đất Tây Nguyên.

Nghे tiếng gà gáy sáng mà “Chợt nhớ năm xưa, nhớ bạn bè”, Thiền sư đã vi phạm “Thiền quy” rồi đấy! Thiền sư hãy coi chừng mình đã bị sa lầy nơi bãi phù sa “Pháp trần” rồi đấy!

*“Đứa giỏi chơi bi, thằng giỏi chổng
Đáo tường, đáo lạc, nhóm chơi bài!”*

Người tu Thiền giỏi, chuyển sự vi phạm thiền quy ấy lên tầm cao mới. Cho đến nay, những người bạn bè ấy của tôi kẻ “quy tiên”, người “nhật một tây trầm” coi như hết chín phần mười, chỉ còn một mình tôi nhớ lại hình ảnh sinh hoạt của “cái trường học không tên” xa xưa khiêm tốn ấy.

Thế gian vô thường là vậy. Quốc độ mong manh là vậy. Tứ đại khổ không là vậy. Ngũ ấm vô ngã là vậy! Nó sanh diệt, nó đổi thay. Cho đến nay,

tôi nhớ lại kẻ còn thì ít, người mất thì nhiều... Há chẳng phải cõi tạm trăm năm là gì...?

Liều Liều Đường

17giờ30, ngày 21/07/2012

(03-06 -Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 4

UỖNG TRÀ

*Tiếng gà eo óc ỏ ò o
Kiếp sống không mừng cũng chẳng lo
Thế cuộc chuyển xoay như bóng ác
Nhìn xem vạn pháp tự không hoa.*

Đôi Tà Dương 5 giờ 6 phút
Ngày 10/04/2010
(26-02-Canh Dần)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tiếng gà gáy sớm trưa, tiếng chim vẹt kêu chiều, tiếng chim cu giục già gọi xuân về, tiếng bìm bịp báo tin nước lớn, tiếng ve ngâm báo hiệu đến mùa hè, tiếng dế rang ri ri làm náo dạ khách cô phòng... tất cả những thứ tiếng ấy không phải ai cũng được nghe, không phải ai cũng có cơ hội nghe, thậm chí có người chùng như cả đời không hề nghe không hề biết.

Những bậc vương tôn công tử sống trong điện ngọc cung vàng, những thành phần sanh trưởng trong gia đình quý tộc sang giàu là những người khó có cơ hội, thậm chí không có cơ hội nghe được những âm thanh kia. Trái lại, những người có đời sống mộc mạc đơn sơ, ít muốn biết đủ, mà người xưa gọi đó là thành phần: “Khát ẩm thanh tuyền muện ẩm trà”... họ thường được nghe và gần gũi với những bản nhạc thiên nhiên ấy giữa lâm tuyền sơn thủy, giữa nơi tịch mịch gió núi mây ngàn ...

Cuộc sống “được không mừng, mất không lo” là lối sống bạt mạng của những người lãng tử phiêu lưu thường bị người đời trách cứ chê bai. Nhưng suy cho cùng, được thì quá mừng mất quá lo. Xét

cho tốt, lối sống đó đối với người trí nó cũng chẳng hay ho gì... “Đa tham tắc ưu” mà!

Nhìn qua Tuệ nhãn của một Khất sĩ đệ tử Phật chân chánh:

“Kiếp sống không mừng cũng chẳng lo”

Đó là một kiếp sống an lành, thanh thoát và trong sáng. Nếu không là đời sống của một Khất sĩ thì không dễ gì làm được.

Đức Phật là một Khất sĩ, tất cả hàng đệ tử xuất gia của Phật đều là Khất sĩ. Thế cho nên lấy Tuệ nhãn mà nhìn, người đệ tử xuất gia cũng như tại gia phải tu tập bồi dưỡng nâng cao trí tuệ, đối với vạn pháp hãy vận dụng Tứ giải thoát môn: “Thị thường”, “Phóng xả”, “Bất động”, “Viễn ly” làm kim chỉ nam trên lộ trình tu tập. Qua nhận thức đó ta thấy, nhân Khất sĩ - quả Sát tặc, Vô sanh, Ứng cúng là con đường duy nhất đúng; cũng như nhân Giới sanh Định, nhân Định sanh Tuệ, nhân Tuệ có Giải thoát, Giải thoát tri kiến là nguồn chân lý duy nhất đúng.

“Thế cuộc chuyển xoay như bóng ác

Nhìn xem vạn pháp tự không hoa”

Bằng nhục nhãn của phàm phu, với những người chưa từng giẫm bước trên lộ trình tu tập

Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến thì dù có mắt mà không hề thấy “Thế cuộc chuyển xoay như bóng ác”, dù có xem mà không hề biết “Vạn pháp tự không hoa”...

“âÔi! Cõi tạm trần gian sá chi!

Lời Thế Tôn dạy rành!

*Nhân sinh vô ngã vô nhân tự hồ không
hoa!*

Vui thú chi giấc điệp canh dài!” ()*

Liễu Liễu Đường, ngày 04/08/2012

(17-06 -Nhâm Thìn)

(*) Trích Liễu Đạo Ca của Như Huyền Thiền Sư – điệu Lưu Thủy Hành Vân.

Đối tượng tham thiền 5

DỰ ĐOÁN

Thôi đừng dự đoán các huynh ơi!

Thực tế còn sai hướng nữa là...!

Phỏng định dở hay không chuẩn đích

Vui buồn tưởng tượng khổ tâm thôi!

20 giờ, 14/10/2010

(07-09-Canh Dần)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Dự đoán, phỏng định, tưởng tượng, ước chừng, tôi tính... tôi sẽ... tôi muốn... những từ ấy cùng một họ hàng với nhau, thuộc VỌNG TƯỞNG. Người đệ tử Phật bắt đầu vào đạo Phật, học tu theo đạo Phật, cái cần thiết trước nhất là phải học về CHÂN và VỌNG. Chân và vọng là cặp phạm trù có tính bao quát tất cả những sự vật hiện tượng mà con người thấy biết và nhận thức. Thí dụ: “Vô vi” là chân, “Hữu vi” là vọng; “Bản thể” là chân, “Hiện tượng” là vọng; “Thể” là chân, “Tướng dụng” là vọng...

Hiện tượng vạn pháp biểu hiện qua bốn dạng vật thể: Động vật thể, thực vật thể, khoáng vật thể và phi vật thể, mà người ta ai cũng công nhận và xác định rằng những thứ vật thể ấy không phải là không thực. Và nếu, người ta đam mê ham hố, bảo thủ, ôm đồm, tích lũy, giữ gìn những của cải, những sự nghiệp, những tài sản qua các thứ vật thể ấy mà người ta đã có được, thì ai dám bảo: Rằng sự đam mê bảo thủ giữ gìn ấy là không thực tế? Đúng vậy! Nếu tất cả mọi người cùng thấy biết và nhận thức đánh giá qua nhục nhãn, thì không ai bảo rằng đó là không thực tế. Nhưng người đệ tử Phật có tu học, có thiền định tư duy, họ nhìn qua Tuệ nhãn

hay Pháp nhãn, thì cái mà đa số người cho là thực tế ấy không thực tế chút nào...! Vì chúng là Hữu vi pháp mà! ...

Vấn đề dở hay, tốt xấu, khen chê... là vấn đề phát xuất từ cảm tính của ai đó mà thôi. Tục ngữ có câu:

*“Yêu ai yêu cả đường đi
Ghét ai ghét cả tông chi họ hàng”*

Lại có câu:

*“Khi thương trái ấu cũng tròn
Khi ghét trái bồ hòn cũng méo”...*

Thế cho nên, sự phỏng định không chuẩn đích là vậy!

Người đệ tử có học Phật thiệt, rất sợ tướng tượng. Thiền định là môn tu tập về tư duy và quán chiếu, nhưng tư duy quán chiếu của thiền định hoàn toàn không tương quan, không giống với sự tưởng tượng của người đời! Tưởng tượng để rồi vui buồn, để lao tâm khổ trí, thì rõ là một sự lầm lạc lỗ lã lớn lao!

Tôi xin có lời nhắc nhở nho nhỏ với những thiện hữu tri thức của tôi, Tăng Ni trẻ hậu học, những Phật tử gần xa có tu pháp môn Tịnh độ, các bạn đừng ngồi mà tưởng tượng theo 16 đối tượng

tưởng tượng ở kinh “Thập Lục Quán”, được gọi tắt là “Quán kinh”, do sư Thiện Đạo đời Đường, thế kỷ thứ 7 ở Trung Quốc soạn giải. Tu tưởng tượng như thế hậu quả không thể lường được, vì đó là cách tưởng tượng ảo, phi chánh pháp!

Những người tu Phật, những nhà sư dốt nát họ hù: Rằng tu “Thiền” sẽ bị lạc thiền sanh ra điên loạn, họ khuyên tu Tịnh độ “chắc ăn”! Nhưng họ không biết rằng tu Thiền không có con đường để lạc, mà trái lại tu Tịnh độ vẫn sai lầm, vẫn lạc và đưa tới hậu quả thần thờ, mất trí điên loạn...

Điều đó đã có, đang có và sẽ có!

Liễu Liễu Đường, ngày 11/10/2012

(26-08 -Nhâm Thìn)

Đối tượng tham thiền 6

GÀ GÁY TRƯA

(Đất Tây Nguyên)

*Tiếng gà ... e ẻ... giấc nồng trưa
Coong keng phong linh gió nhẹ đưa
Tỉnh dậy! OLong (*) pha một ấm!
Trà thơm, vị ngát: Nước non nhà! ...*

Đôi Tà Dương
15 giờ, ngày 11/11/2010
(05-10-Canh Dần)

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Hỡi những người thiện hữu tri thức của tôi, những Tăng Ni trẻ, những Phật tử gần xa thân mến! Sau khi thưởng thức mấy chung trà, trà mà tôi nói ở đây là trà thơm vị ngát, là trà “Olong”, khác với loại “trà dư tửu hậu” của thế tình, cũng không

giống với ý thơ của người xưa “khát ẩm thanh tuyền muộn ẩm trà”! Ấm trà ở đây được pha sau khi tỉnh giấc nồng của một buổi trưa, và từ xa xa có tiếng gà vọng đến, ở cạnh hàng hiên “Cỏong keng phong linh gió nhẹ đưa”! Tôi là một nông dân chánh hiệu ở thôn quê, nên với tôi tiếng gà gáy trưa gợi trong tâm trí tôi hình ảnh quê hương, mà thông thường người ta gọi là nơi chôn nhau cắt rốn... nước non nhà!

Viết những dòng này tôi muốn thủ thủ với các bạn rằng: Đạo Phật của chúng ta, giáo lý đạo Phật của chúng ta, đích đến của đạo Phật của chúng ta không có gì cầu kỳ khó khăn, rắc rối gì hết. Đạo Phật của chúng ta, giáo lý đạo Phật của chúng ta thành thật và thẳng thắn mà nói thì dễ lắm! Dễ tu! Dễ chứng! Chúng ta đừng đòi hỏi ở đạo Phật những gì “linh thiêng” “bí hiểm”, những gì không có mặt trên cõi đời này! Tôi xin nói nhỏ với các bạn rằng chúng ta nên tập tu bằng cách tu... CHƠI. Tu chơi có nghĩa là giống như không tu gì hết mà tu rồi đấy! Bạn ạ!

Để giải thích những điều tôi vừa nói, để kính tặng bạn, tôi xin mượn bài thơ CU' TRẦN LẠC ĐẠO của Thiền sư Trần Nhân Tông để nhắc nhở các bạn mà cũng nhắc nhở chính mình, nguyên văn bài thơ ấy như sau:

“Cư Trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề! Khốn tức miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền”

*Dịch: Sống đời vui đạo hãy tùy duyên
Thấy đói thì ăn mệt ngủ liền
Giải thoát trong ta đừng kiếm nữa
Dừng đừng tâm cảnh khỏi tu thiền.*

Các bạn nhớ rồi chứ! Thiền là vậy, tu là vậy
và nếu nói chứng đắc thì cũng là chừng ấy mà thôi!

Liễu Liễu Đường, ngày 12/10/2012

(27-08 -Nhâm Thìn)

Đối tượng tham thiền 7

BƯỚC NHÀN DU

*Ấm lạnh như nhau một cõi đời
So đo cao thấp mặc tình ai
Mây bay gió thoảng lòng thanh thoát
Mỗi bước chân đi một tứ thi...*

Đôi Tà Dương 07 giờ, ngày 18/11/2010
(13-10-Canh Dần)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Với một thi sĩ hay người có tâm hồn thi sĩ yêu thơ thích thơ, thì mỗi bước chân đi một tứ thi là chuyện có thật. Nếu ở môi trường hoàn cảnh tốt, mây bay gió thoảng lòng thanh thoát thì hồn thơ, lòng thơ, tứ thơ càng thêm chảy trào dâng là chuyện có thật. Chỉ có điều thơ vui hay thơ buồn, thơ đời hay thơ đạo là tùy ở cảnh và ở người.

BƯỚC NHÀN DU nhan đề của bài thơ, tự nó đã nói lên với bạn bè, với những thiện hữu tri thức, với những ai cùng hội cùng thuyền, cùng chí hướng đi trên con đường Phật. Học Phật, đi theo con đường Phật, mỗi bước chân đi là một bước đến nhàn, mỗi bước chân đi là một bước đến nơi không đích đến. Nghĩa của chữ “Nhàn du” là vậy, cổ lai đã có người sống như vậy và làm như vậy. Người ta đã từng tuyên bố “Tri nhàn, tiện nhàn, đãi nhàn, hà thời nhàn” (知閒,便閒,待閒,何時閒). Đối với sự nghiệp, người ta cũng đã tuyên bố “Tri túc, tiện túc, đãi túc, hà thời túc” (知足,便足,待足,何時足). Với những tâm hồn như vậy thì nhan đề của bài thơ BƯỚC NHÀN DU, thiết tưởng không có gì cần nghĩ ngợi hay thắc mắc!

*“Ấm lạnh như nhau một cõi đời
So đo cao thấp mặc tình ai”*

Rõ là tứ thơ không phải của thi nhân, văn sĩ bình thường, mà tứ thơ của một thi sĩ có tánh “bạch tuộc”, bất can, của một Khất sĩ hay một Sơn nhân nào đó. Bởi vì, những quý tộc danh gia không thể có cái chất “bạch tuộc”, cái tánh bất cần, mà người xưa đã đúc kết:

... 世情看冷暖. 人面逐高低. 仁義盡從貧
處斷. 世情偏看有前家...

(...Thế tình khán lãnh noãn - Nhơn diện trực cao đê - Nhân nghĩa tận tùng bần xứ đoạn - Thế tình thiên khán hữu tiền gia...)

Người ta trông mặt mà bắt hình dong, quen thì sợ dạn, lạ sợ áo quần. Cho nên người ta nhìn vào sự ấm lạnh đói no mà đánh giá địa vị và đặt để giai cấp con người. Rồi nhân nghĩa tình cảm thân sơ, đều có tương quan tác động trong việc thành suy vinh nhục đối với những ai trong cái gia đình thành hay suy, quý hay tiện ấy.

Ở đây, thi sĩ nhìn đời nhìn người không nhìn qua cái dáng vẻ vật chất, không nhìn qua sinh hoạt ấm lạnh đói no, mà dưới mắt thi sĩ chỉ có người và người... Tất cả cùng chung sống dưới một gầm trời, một không gian, một thời gian an lành thanh tĩnh trong sạch, với tự tánh thiên nhiên của vạn

hữu. Bởi vì người Khất sĩ thấy rằng: Vũ trụ vạn hữu tự tánh thanh tịnh bản nhiên. Nếu có sự so đo cao thấp, phải quấy, tốt xấu, thân sơ thì dưới mắt của người thi sĩ Khất sĩ, đó chỉ là sản phẩm của vô minh, của biến kế chấp mà ra...!

Tác giả bài thơ “BUỐC NHÀN DU” có phải chẳng đã thấm nhuần, đã thâm cảm với nguồn tư tưởng “Bất trừ vọng tưởng, bất cầu chân. Vô minh thật tánh, tức Phật tánh” của Huyền Giác Thiền sư, sống cách đây trên dưới mười ba thế kỷ đời Đường Trung Quốc...?!

Liều Liều Đường, ngày 13/10/2012

(28-08 -Nhâm Thìn)

Đối tượng tham thiền 8

NGÃU HỨNG

*Hữu vi pháp tìm sao ra tánh chất?
Danh cú văn dành để hí luận lúc cô tâm!
Hương trà, vị quả dù có giỏi nghe nhưng
không ai biết được!
Cho nên biết: “Nói gì cũng không bao giờ
trúng”!
Nói với ai? Và phải nói gì đây?
Nói mà không thấy nói! À... Như lai đã
dạy...*

*6gìờ45, ngày 23-8-2011
(24-7-Tân mã)*

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

NÓI GÌ CŨNG KHÔNG BAO GIỜ TRÚNG, đó là ý nghĩ độc lập của tôi. Ý nghĩ đó tôi nghĩ rằng, ai nghe cũng cho là “ngông”, nhưng tôi thì cho đó là một ý nghĩ mà tôi tâm đắc nhất của cuộc đời mình. Tôi đã từng viết một bài thơ mà ai nghe cũng có thể gọi đó là thơ ngông. Thơ rằng:

“Tôi chẳng có một địa phương thường trú

Hiện nay tôi tạm trú với Pháp thân

Vũ trụ tôi ngao du rồi cũng đoạn thág qua ngày

Nhìn sự vật thú vị tôi cười và biết rõ:

NÓI GÌ CŨNG KHÔNG BAO GIỜ TRÚNG”.

Tôi viết những dòng này với một tấm lòng thành, tôi ước ao khi nào các thiện hữu tri thức, các Tăng Ni trẻ, các Phật tử gần xa hữu duyên đọc đến nó, tôi mong các vị thử để một chút thì giờ suy gẫm xem! Và, xin cho tôi một lời phê phán vui vui, rằng ý tưởng đó “ngông nhiều hay ngông ít”?!

Trong bài thơ có nhan đề NGẪU HỨNG: “Hữu vi pháp tìm sao ra tánh chất”, tôi cũng rất tâm đắc về ý tưởng này. Trải qua mấy mươi năm học

đạo, hành đạo, quán chiếu tư duy mới thấy, biết được và mới viết ra được câu ấy. Bởi vì tìm cái thật chất của hiện tượng sự vật, không có. Tìm cái thật tánh của hiện tượng sự vật, cũng không có. Vì Hữu vi pháp tự nó cắt nghĩa, tự nó nói lên tánh “Duyên sanh như huyễn” của nó rồi, thì tìm đâu cho có. Do vậy đức Phật từng đình ninh nhắc nhở: “Nhất thiết Hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện...” là vậy!

Danh là danh ngôn, từ là từ ngữ. Văn là nét, nhiều nét thành chữ, nhiều chữ ghép lại thành câu. Danh cú văn không thể viết lách, ghi chép, mô tả đúng được lẽ thật (chân lý) của vũ trụ vạn hữu. Viết lách, mô tả, nói năng, bình luận, nghĩ ngợi, suy tư chân lý (lẽ thật) chỉ là hí luận cho vui trong những buổi tiệc “tửu hậu trà dư”...

Chân lý mà nói ra, hay đem ra nói với người khác, dù lời nói ý nghĩ có thăm sâu đến độ nào thì đó cũng chỉ là “Ngón tay chỉ mặt trăng” mà thôi! Mặt trăng vẫn là mặt trăng, tay chỉ là tay chỉ, thấy mặt trăng hay không chủ yếu phải do người.

Thảo nào đức Phật Thích Ca hóa đạo thuyết pháp sát soát 50 năm, vậy mà đức Phật nói: “Như Lai chẳng có nói pháp gì”. Và Như Lai không viết ra, không để lại một chữ nào. Té ra là vậy!

Liễu Liễu Đường, ngày 19/10/2012

(05-09 -Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 9

PHÁP TÁNH

(THẬP NHƯ THỊ. Đừng hỏi tại sao?)

Tánh nó vậy, hỏi sao nói được!
Nói gì đây? Muối mặn chanh chua?
Tướng thế ấy, hỏi gì thêm nữa!
Núi thì cao! Đừng hỏi bể sao sâu!?
Thể của nước thì mềm và yếu.
Gặp cuồng phong, nước hoá “sóng thần”!
Lực cỏ cây, một hướng, hướng dương:
Khỏi nghĩ ngợi... vì sao nó vậy?
Là vật thể, không rời... hợp... tác...!
Trước hợp rồi, sau **tác** thể hình.
Nhân như thế, duyên ra như thế!
Trồng cần sa không thu hoạch lúa ngô!
Duyên gá nghĩa với người châu... khác...!
Ly quê hương, xa cách lục thân
Sự hiện hữu **HÌNH NÀY... THỂ NƠ...**!

Hỏi tại sao? Xin “ĐỪNG HỎI TẠI SAO”...!?

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

PHÁP và PHÁP TÁNH cũng như PHẬT và PHẬT TÁNH, danh từ tuy hai mà thể tánh chỉ là một. Ví như sóng và bọt, danh từ tuy hai, mà chỉ có một thể là nước. Tánh Phật, tánh Pháp là tánh thanh tịnh bản nhiên vốn vậy của vũ trụ vạn hữu. Gọi là tánh thanh tịnh bản nhiên, nghĩa là tánh ấy không hề nhiễm ô và không có chút nhiễm ô nào để làm, để khiến, để lây cho bất cứ những gì trong hiện tượng vạn hữu. Pháp tánh là thanh tịnh bản nhiên của hiện tượng vạn pháp, của thực vật thể, của khoáng vật thể và của phi vật thể. Nói chung pháp tánh là tánh thanh tịnh bản nhiên của vạn loại chúng sanh vô tình.

Tìm hiểu về Phật tánh, người đệ tử xuất gia và tại gia của Phật cũng phải học như vậy, rằng Phật tánh cũng là tánh thanh tịnh bản nhiên vốn vậy của vũ trụ, của hiện tượng vạn hữu, nhưng Phật

tánh là tánh đặc biệt của chúng sanh hữu tình, mà cao cấp là con người. Con người thường xuyên gần gũi và có khả năng chuyển hóa, sử dụng Phật tánh ấy cho mình trong cuộc sống. Thế cho nên khi đức Thế Tôn vừa thành đạo đã thốt: Ô! Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành...!

Là người đệ tử Phật, có học Phật thật, có thiền định tư duy trong cuộc sống, người ta không bao giờ nêu ra câu hỏi: “Cái đó”... “Vật đó”... “Việc đó”... TẠI SAO? Là người trí luôn luôn tự ý thức và cảnh tỉnh mình, khi nhìn hiện tượng vạn pháp họ nhìn qua: TÁNH, TƯỚNG, LỰC, TÁC, NHÂN, DUYÊN, QUẢ, BÁO, NÓ NHƯ VẬY là như vậy, ĐỪNG HỎI TẠI SAO!

Liễu Liễu Đường, ngày 30/11/2012

(17-10 -Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 10

A DI ĐÀ PHẬT, Ông Là Ai?

*DI ĐÀ PHẬT TÁNH ở tâm ta!
Sáng tỏ trắng rằm vô tận xa...!
Có bấy hồ trong, ao lặng nước!
Bao nhiêu trắng hiện khỏi van cầu!*

Ngày 18/09/2011 (21-8-Tân Mão)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cái tôn danh A DI ĐÀ PHẬT ấy, đức Phật Thích Ca cho biết rằng: Đức Phật A Di Đà không phải là ông Phật chỉ được chiếm phân nửa vũ trụ ở phía Tây (Tây phương). Qua cái tôn danh ấy, đức Phật Thích Ca cho biết: Thế giới Tịnh độ, cõi nước Cực lạc của Phật A Di Đà bao trùm khắp không gian vô tận, xuyên suốt thời gian vô cùng. Nói một cách khác, không gian vô tận, thời gian vô cùng không có ngăn mé, không có đầu mối... con người đặt cho nó cái mệnh danh vũ trụ. Đó là thế giới Cực lạc của đức Phật A Di Đà. Như lời đức Phật Thích Ca dạy, A Di Đà Phật chính là Phật VÔ LƯỢNG QUANG và VÔ LƯỢNG THỌ. VÔ LƯỢNG QUANG tức là không gian, VÔ LƯỢNG THỌ tức là thời gian. Đã là không gian thì thanh tịnh vô cùng và thời gian cũng thanh tịnh vô cùng. Đó là Phật Di Đà tự tánh. Đó là Phật Di Đà tự tâm của con người. Do vậy con người ở đâu, đi đâu, ngồi đâu, mà tâm tánh trong sáng thanh tịnh, an vui thì người đó được Phật A Di Đà đón rước về ở thế giới Cực lạc rồi vậy.

Chư Phật vốn là Phật thì Phật nào cũng không thích chiến tranh. Nếu chỉ dành nửa vũ trụ ở phía Tây thôi, còn vô số đất nước ở phía Đông tức

là còn vô số Phật, vô số chúng sanh không phải Cực lạc, không phải Tịnh độ, thì trước sau gì không sớm thì muộn cũng “khởi nghĩa”, cũng bạo loạn, cũng chiến tranh cướp đất dành dân để mở mang bờ cõi cho đất nước mình. Dựa vào thực tế đó mà suy thì nữa vũ trụ ở phía Tây không có lấy gì bảo đảm cho cái nhãn hiệu mỹ miều của nước CỰC LẠC, TỊNH ĐỘ ấy. Vả lại, Đông Tây mà con người định hướng là dựa trên sớm sáng chiều tối, dựa trên mọc và lặn của mặt trời. Gọi là mặt trời mọc hay mặt trời lặn, chỉ là việc vận hành của quả địa cầu. Do vậy “Đông phương” hay “Tây phương”, chỉ có thể nói về những chủng tộc, những màu da, những con người của năm châu: Âu, Á, Úc, Mỹ và Phi. Giả sử, thử đem quả địa cầu cất giấu vào một nơi nào đó, thì Tây phương cũng như Đông phương, không còn có gì để căn cứ mà gọi Đông hay Tây nữa được!

Các trưởng lão kỳ cựu đa văn tiền bối có thật học, thật tu, thật chứng đã từng dạy: TỰ TÁNH DI ĐÀ, DUY TÂM TỊNH ĐỘ. Lời dạy ấy phát xuất từ trí tuệ của bậc thật học, thật tu. Thế cho nên, ai là đệ tử Phật thiết, căn cứ lời Phật dạy, dựa trên đường lối VẤN TƯ TU mà tư duy nhận thức thì sẽ thấy lời nhắc nhở của những bậc tiền bối kia rõ là phù hợp chân lý. Phật tức tâm là chân lý. Duy tâm

Tịnh độ là chân lý. Nước trong trăng hiện là chân lý, mây tan mặt trời hiện là chân lý. Pháp giới bất nhị nhất chân là chân lý...

Người đệ tử Phật chân chính học theo đạo, hạnh, chứng, đắc... của Thầy mình là Phật Thích Ca Mâu Ni, thì chẳng cần ai đón đi xứ nào, hay rước đi cõi khác để làm gì...!

Liễu Liễu Đường, 06 giờ ngày 01/12/2012

(18-10 -Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 11

KIẾN THỦ KIẾN

*Cái có của ai có nấy xài
Đố ai chuyển hóa họ lung lay.
Bản năng tự ngã dù cao thấp
Bảo thủ vì ta ... nó của ta!*

08 giờ 00, ngày 23/10/2011 (27-9-Tân Mão)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Kiến thủ kiến là một thứ cố chấp trong năm thứ chấp sai lầm về mặt hiểu biết: 1. Thân kiến, 2. Biên kiến, 3. Tà kiến, 4. Kiến thủ kiến, 5. Giới cấm thủ kiến. Năm thứ chấp đó kinh điển gọi là KIẾN HOẶC.

Các tiền bối từng than: 江山易改本性難移 “Giang san dị cải, bản tánh nan di”, có nghĩa là núi sông đất liền người ta có thể cải tạo sửa đổi, tuy nặng nhọc nhưng dễ làm, còn bản tánh của con người, của ai đó muốn cho họ sửa đổi thì rất là khó. Câu nói ấy phảng phất, chứa đựng một niềm thương cảm, một mối ưu tư có vẻ bi quan, với một nỗi lòng trắc ẩn. Sự thật không đến đổi như vậy.

Trên bình diện chân lý, tất cả đều có thể chuyển hóa, cải tạo, đổi thay được hết. Chỉ có điều là môi trường, hoàn cảnh, căn tánh con người có thuận lợi hay không? Do vậy sự cải tạo xây dựng thay đổi có mau, có chậm.

Trong xã hội con người đã có biết bao nhiêu người nhẹ dạ dễ tin, đã có biết bao nhiêu người sống trong gia đình mê tín, tin huyền hoặc hoang đường, cầu khẩn van xin cúng lạy với những đấng

siêu hình không bao giờ có. Và, cũng có biết bao nhiêu người đã từng tin tưởng sử dụng giấy tiền vàng mã, tin tưởng những sao giải hạn, tin tưởng thổ địa thần tài... Nhưng, khi gặp được Minh sư hướng dẫn đi đúng đường, dạy cho học chánh pháp của Phật, tu hành theo đường lối của Phật, người ta đã sửa đổi thân khẩu ý, đã sống theo chánh pháp, điều đó có thật. Dựa trên cơ sở đó, ôn lại lời của Thế Tôn dạy: “Tất cả chúng sinh đều có khả năng thành Phật. Tất cả chúng sinh là Phật sẽ thành”. Đó là chân lý trong chân lý vậy.

Thế thì: Bản tánh NAN DI, chứ không phải BẤT DI các bạn nhỉ?!

10 giờ, ngày 01/12/2012 (18-10 -Nhâm Thìn)

Đối tượng tham thiền 12

THIỀN NGÔI

*Thiền ngôi tìm tưởng những gì đây?
Mòn lẩn xương khu mống đít chai!
Thiền bởi óc tìm, không ở đít!
Hành hà bàn tọa, nghĩ thương ai...!*

Liễu Liễu Đường, Đồi Tà Dương

Ngày 24/10/2011 (28-9-Tân Mão)

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thiền, nói rõ là “Thiền na” hay “Thiền định”. Với nghĩa TỈNH LỰ hay TƯ DUY TU thì thiền không phải dành riêng cho người xuất gia Khất sĩ, mà tất cả người Phật tử tại gia đều học tu và đều thọ dụng hoa trái của thiền.

Đã nhiều lần trước đây tôi từng giới thiệu: Thiền đối với nhân loại như chất muối đối với loài

người, muối không thể là một thức ăn dành riêng cho bất cứ ai, không ai được độc quyền chiếm hữu, tự cho là sở hữu của tông tộc mình hay của riêng mình.

Thiền có Thế gian thiền và Xuất thế gian thiền. Quá trình học tập của một học sinh tiểu học, trung học, đại học, của một sinh viên, của một nghiên cứu sinh... rồi trở thành một bác học, một công thương kỹ nghệ gia tột đỉnh văn minh và hiện đại... Cái chuỗi dài vừa học tập, vừa nghiên cứu, vừa thực hành cho đến ngày thành công mỹ mãn... Sáng chế, tạo lập, xây dựng để đem lại cho con người những tiện nghi tối tân hiện đại trong cuộc sống. Thành tựu đó là hoa trái của quá trình học tập bồi dưỡng “tư duy” và “tình lực”, tức là Thế gian thiền vậy.

Xuất thế gian thiền là pháp môn Thiền định mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu tập đã thành công, hàng Khất sĩ đệ tử Phật, nếu là người tu tốt, học tốt, thì đời sống hằng ngày của họ phải tương tục sống trong Thiền. Dựa vào nguồn giáo lý căn bản của đạo Phật là giáo lý Tứ Thánh Đế, trong phần Đạo để đức Phật dạy rõ về 37 đối tượng thiền. Những bậc xuất ly Tam giới, thành tựu A la hán quả, có được Giải thoát, Giải thoát tri kiến, tức là

có được Niết bàn và Bồ đề, đều do tu tập 37 đối tượng thiền trong Đạo Thánh Đế.

Trong phạm vi bài viết ngắn ngủi này, tôi xin nhắc lại để giới thiệu đến các bạn thiện hữu tri thức của tôi, với hàng Tăng Ni trẻ, với Phật tử gần xa, tôi hy vọng chúng ta thử tu tập bốn đối tượng thiền trong nhóm Tứ niệm xứ: Thân bất tịnh, thọ thị khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã. Rồi chúng ta thử nghiêm túc tu tập nhóm cuối cùng của 37 đối tượng thiền là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định của Bát chánh đạo. Bản thân tôi tu tập hai nhóm đối tượng thiền ấy, mà tôi thấy đem lại một kết quả an lạc nhẹ nhàng thanh thoát, một thứ Niết bàn dù chưa vô thượng nhưng tự thân thấy mình đang sống trong cảnh giới Niết bàn. Tôi hy vọng các bạn ứng dụng những đối tượng thiền căn bản ấy thử xem sao. Những đối tượng thiền ấy, hay toàn bộ 37 đối tượng thiền trong Đạo Thánh Đế, tôi đã thử tu tập và tu tập qua 4 oai nghi: Đi, đứng, ngồi, thậm chí là nằm, mà vận dụng tư duy tỉnh lý, đều kết quả như nhau. Và, tôi xin báo cáo để trình với các bạn rằng: Chúng ta tu Thiền định dựa trên đối tượng thiền của Phật dạy, thì không bao giờ có cái gọi là sai lầm hay lạc lối, như tiền bối Vĩnh Minh Diên Thọ đã viết trong bài kệ liệt

giảng: “Hữu Thiền vô Tịnh độ, thập nhân cửu thố lộ...”.

Trước sau như một, tôi tự nhắc nhở mình và dụng ý gởi lời nhắc nhở của tôi đến những thiện hữu tri thức, những Tăng Ni trẻ, những Phật tử gần xa rằng: Tu thiền, chúng ta sử dụng cái đầu óc là chính và tâm hợp tác với đầu óc thành pháp môn tu tập Tư duy tu, pháp môn Tịnh lự. Do vậy tu Thiền không nhất thiết phải ngồi, càng không được bắt buộc ngồi. Thiền mà bắt buộc ngồi, ngồi lâu, ngồi nhiều giờ, thậm chí ngồi cả ngày lẫn suốt đêm chỉ là hành hạ “mõng đít”, “mòn lăn xương khu”. Thật đáng thương... ai...!

Liều Liều Đường, 18 giờ ngày 01/12/2012

(18-10 -Nhâm Thìn)

Đối tượng tham thiền 13

BUỒN CHO PHẬN ĐÍT THIỀN SƯ

Nghĩ tội tình chi phận đít tôi!?
Khổ tâm khổ trí khổ tôi bời!
Ngồi trôn bất động như thây chết!
Chịu trận mình ênh mống đít thôi!?

Liễu Liễu Đường, Đồi Tà Dương

Ngày 26/10/2011 (30-9-Tân Mão)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Phật giáo có mặt ở Trung Quốc vào thế kỷ thứ nhất, người đến Trung Quốc đầu tiên là hai vị Cao tăng Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan. Lần lượt có nhiều Cao tăng từ Tây Trúc đến Trung Quốc truyền bá giáo lý và phiên dịch được khá nhiều kinh điển. Vậy mà, môn Thiền học lại ít nghe nói đến và chẳng có cơ sở nào đào tạo hay mở mang phát huy Thiền học. Trải qua thời gian dài cả trên dưới 400 năm, sách sử Phật giáo ghi: Về mặt vật chất, chùa chiền điện tháp có đến 700 ngôi rất đồ sộ và nguy nga rực rỡ, tượng Phật thì có cả 100 vạn tượng, về hàng xuất gia Tăng Ni có hơn 200 vạn người. Sự lạm phát chùa chiền tháp tượng, cũng như sự sa sút đạo hạnh của Tăng Ni thế nào đó, khiến cho vua Thái Võ Đế trào Bắc Ngụy sắc chỉ phế phá điện chùa tháp tượng, sa thải Tăng Ni hoàn tục... mà lịch sử Phật giáo gọi đó là phế Phật lần thứ nhất vào niên hiệu Thái Bình Chân Quân năm thứ 7 (446 TL)...

Mãi đến thế kỷ thứ 6, Bồ Đề Đạt Ma từ Tây Vực đến Trung Quốc nhằm thời vua Lương Võ Đế thuộc Nam triều, nhưng cơ duyên không hợp cho nên địa bàn hành đạo và truyền đạo của Bồ Đề Đạt Ma lại là vùng núi Tung Sơn thuộc Bắc Ngụy. Kể

từ đây Bồ Đề Đạt Ma truyền bá đạo Thiền. Thiền học có cơ sở cũng như cơ hội được phát triển, kể từ đây Phật giáo Trung Quốc mới đặt nền móng xây dựng và phát huy Thiền học. Vì vậy Bồ Đề Đạt Ma được người đời tôn là Sơ tổ của Thiền tông Trung Hoa.

Về mặt truyền thừa Thiền học Trung Hoa, kinh điển có câu: “Nhất chi ngũ diệp lợi nhân thiên...”. Thật vậy, một cành năm lá lợi lạc cho nhân thiên, điều đó có thật. Từ Tổ Huệ Khả đến Lục Tổ Huệ Năng, năm chiếc lá ấy phát triển và mở mang Thiền học, làm rực rỡ tỏa sáng đạo Thiền của Phật Tổ và lợi ích cho hàng nhân thiên rất nhiều. Nhưng ngoài năm lá lợi ích nhân thiên ấy ra, những chồi tước tiếp sau nảy nở những thứ: Thiền tông, Thiền phái, Thiền học, Thiền giáo... mà đức Phật Thích Ca giả sử có “phục sinh”, cũng không hề hiểu, không hề biết và không hề học thuộc nổi. Những kinh điển của Phật Thích Ca giảng dạy truyền đạt tu tập cho môn đồ đệ tử suốt 49 năm, không rời tôn chỉ XA MA THA, TAM MA BÁT ĐỀ và THIỀN NA. Tất cả những kinh điển ấy Phật đâu có dạy thiền bằng cách đập bằng hèo, véo lỗ mũi, hét điếc tai, chặt đầu mèo, hay lột dép đội lên đầu... Vậy mà, người học Thiền đều ngộ đạo cả đấy! Lạ chưa?

Rồi một nhóm Thiền sư khác lại phát huy Thiền học bằng cách thi ngồi, ai ngồi lâu, ngồi vững được nhiều giờ đồng hồ không lay động, thì được chấm điểm là Thiền giả ưu tú, được xem là thượng túc trong Thiền đường và Thiền viện.

Viết bài này tôi có ý nhắc nhở đến hàng Tăng Ni trẻ, đến những Phật tử hữu duyên với đạo Phật, rằng: Tất cả hàng Phật tử chúng ta ai ai cũng phải tu Thiền. Đạo Thiền, Tăng hay tục thực hành đều đem lại hoa trái an lạc theo khả năng tu tập của mình. Điều cốt lõi quan trọng là đối tượng thiền, cần được Minh sư hướng dẫn phân tách chỉ đạo. Thiền giả dựa vào đối tượng thiền mà tư duy quán chiếu đúng phương pháp, thì Thiền giả tăng trưởng trí tuệ nhân lên từng phút từng giờ trong cuộc sống của mình. Thiền rất cấm kỵ ngồi lâu, ngồi vững, ngồi tưởng tượng để tìm mà không có mục tiêu, không có đối tượng. Có mục tiêu rõ ràng, có đối tượng cụ thể thì Thiền giả thiền ngay khi đi, khi đứng, ngay cả lúc nằm nghỉ ngơi thư giãn.

Cần lưu ý thiền định phải sanh trí tuệ và tăng trưởng trí tuệ, thiền định mà không sanh trí tuệ là tu sai rồi!



Đối tượng tham thiền 14

ĐỐ... BIẾT?

Đừng hỏi duyên do lão dễ cười!

Trần gian gì đáng! Chẳng là chơi?

Ưu tư sâu thẳm, sâu sao xiết?!

Buồn đợi ai thương? Khóc nhớ ai?

Ngày 29/10/2011

(03-10-Tân Mão)

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cười có nhiều dáng vẻ: Cười khì, cười ngất, cười mơn, cười ruồi, cười mỉm, cười nhoẻn, cười khà, cười mếu, cười buồn, cười nhạt, cười khổ, cười khinh bỉ, cười tủm tỉm, cười nụ, cười duyên, cười thoải mái, cười gượng, cười gằn, cười khúc khít, cười lá lơi, cười nắc nẻ, cười hoan hỷ, và cười khẳng định lòng dạn lòng... ai nhớ điệu cười nào xin kể thêm vào đều được hoan nghênh! Cười có

nhiều dáng nhiều điệu như thế, thì nhìn nụ cười nhìn dáng vẻ cười, đổ ai biết cười gì, nhất là cái cười của một Thiền giả hay một Thiền sư.

Có một Thiền sư đã viết: ... “Hiện nay tôi tạm trú với Pháp thân. Vũ trụ tôi ngao du rồi cũng đoạn thág qua ngày. Nhìn sự vật thú vị tôi cười và biết rõ: NÓI GÌ CŨNG KHÔNG BAO GIỜ TRÚNG!”. Thật vậy, nhìn hiện tượng sự vật qua Tuệ nhãn, lấy sự nhận thức hiểu biết của Tuệ nhãn mà thốt ra lời... Còn người nghe, nghe và nhận thức bằng cái tâm âm bình thường, thì lời thơ của Thiền sư ấy nghe như là một sự thách thức. Sự thật, đó không phải là sự thách thức, mà là lời chân thật, lại là chân lý đó, thừa bạn!

Dưới nhãn quang của Phật nhãn thì: Hữu vi pháp như mộng huyễn, bào, ảnh; như lộ diệt như điện... Trong đó tự thân của con người nhận thức Hữu vi pháp kia lại cũng như mộng, như huyễn, như bào, như ảnh. Thế thì, con người mộng nói chuyện mộng làm sao nói trúng?

Với một Thiền giả, một Thiền sư, họ nhìn Hữu vi pháp, sinh hoạt sống trong Hữu vi pháp là: Làm chơi, ăn chơi, ở chơi, sống chơi, chưa chết thì sống chơi, lỡ bệnh mua thuốc uống chơi, thuốc uống không lành phải chết cũng là chết chơi, không có gì đáng kể, không có gì đáng luyến tiếc ưu sầu

“Trần gian gì đáng chẳng là chơi” là vậy! Cái cười của con người nhìn đời, nhìn thế sự trần gian như thế thì rõ là: Đố... biết cười gì! Còn như không tỏ ngộ cái chân lý như mộng như huyễn... vô thường của trần gian, để rồi “Ưu tư sầu thảm sâu sao xiết” chỉ tổ tự mình chuốc lấy đau khổ cho mình mà thôi.

Không học Phật thì không hiểu được chân lý: “Duyên sanh như huyễn, vạn pháp giai không” của Phật dạy. Nhìn thế sự mà buồn, mà vui, mà thương, mà nhớ chỉ tự mình mua nã chuốc sầu cho mình, không ai giúp đỡ gì được cho mình hết!

Hãy cười đi! Ta hãy cười đi, cười kiểu nào đó... tùy ta vậy!

Liễu Liễu Đường

Ngày 03/12/2012 (20-10 Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 15

ĐỪNG HỎI TẠI SAO?

*Đừng hỏi duyên do tứ dễ buồn!
Nhơn tình thế thái... nhạt mùi thương!
Gượng cười khuây khỏa mồm như mếu
Gẫm chuyện trần gian quá chán chường!*

Ngày 29/10/2011 (03-10-Tân Mão)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đọc bài này, có một đệ tử nhạy miệng không ngần ngại phê: Bài thơ này nghe bi quan quá, nếu so với ý tứ của bài thơ “Đỗ biết” trước thì người ta sẽ nói Thầy tự mâu thuẫn với Thầy. Thầy mà còn buồn, còn bi quan nữa sao?

Tôi cười! Tôi trả lời: Đúng vậy. Rồi tôi giải thích tiếp cho người học trò “bé nhỏ của tôi” rằng: Dành riêng cho đức Thế Tôn ta một vị trí ở tầng cao, chúng ta không nên lăm bần về phước đức và trí tuệ đối với Người. Còn ngoài đức Phật ra, tất cả chúng ta rất cần sự lạc quan, cũng rất cần sự bi quan trong cuộc sống, con à! Vấn đề ở chỗ, lúc nào nên lạc quan, lạc quan về cái gì, việc gì... Cũng như rất cần có bi quan, nhưng bi quan lúc nào, ở đâu, cái gì, việc gì qua cái nhìn, cái biết gọi là bi quan ấy.

Gọi là “Đời” gồm hết thảy: Sơn hà, đại địa, thảo mộc, tùng lâm, khoáng vật thể, thực vật thể, động vật thể và cả phi vật thể. Nếu nhìn sự vật hiện tượng ấy mà hứng khởi, mà đam mê, mà lạc quan, rồi sanh tâm bảo thủ thì cái lạc quan ấy là thứ lạc quan mong manh tạm bợ nhất thời, những người đó hoàn toàn xa lạ với lý tưởng Giác ngộ Giải thoát

của đức Phật. Một thí dụ mà cụ thể rất điển hình, các bạn thử chịu khó đọc bộ sách nói về lịch sử Trung Quốc 5000 năm, hoặc lịch sử 4000 năm văn hiến của Việt Nam. Mời các bạn hãy đọc kỹ đi, đọc với một tinh thần “Văn nhi Tư”, các bạn sẽ thấy sự bi quan của Thiên giả, của Thiên sư, của hàng đệ tử Phật. Rồi các bạn sẽ thốt: Rõ ràng bi quan không phải là điều không cần thiết cho người có ý chí học đạo, hành đạo, chứng đạo trên đường Giác ngộ Giải thoát. Nếu không có môi trường bi quan, hoàn cảnh bi quan, sự thể bi quan, nhân tình bi quan, xã hội bi quan thì tất cả những nguyên nhân sanh ra “Khổ đế” từ đâu có, mà đức Phật đã dạy xưa kia cho tới ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Tư duy như thế, biết đâu các bạn chẳng đưa hai tay lên mà thốt lớn: “Hoan hô bi quan, bi quan muôn năm”!

Tuy nhiên nghiêm túc mà nói, tôi xin nhắc nhở với Tăng Ni trẻ, với Phật tử gần xa: Khi chúng ta hữu duyên học được chánh pháp, hiểu được chánh pháp, hành theo chánh pháp, thì bản thân gia đình và những ai thân thích với ta có thể ảnh hưởng nguồn giáo lý thánh thiện của Phật, tất mọi người sẽ có ít nhiều an lạc. Nhưng các bạn đừng lạc quan, đừng để cho lơ lạc quan, đừng ai cũng khoa trương, gặp ai cũng trình bày, đi đâu cũng... “Thuyết pháp”. Hãy coi chừng! Sự lạc quan ấy đã trở thành

chứng bệnh “vào tai ra miệng”, gây bất lợi cho mình, mà người khác cũng chưa chắc gì họ bằng lòng tiếp nhận các Pháp nhủ mà mình có thiện ý trao tặng!

Bi quan hay lạc quan, đều là đối tượng hữu ích bằng nhau cho người đệ tử biết học, biết tu!

Liễu Liễu Đường

17 giờ, ngày 03/12/2012

(20-10 Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 16

DANH LÀ CÁI CHI CHI?

Viễn ly LỢI đã khó run gân!

Quái ác trăm phần ấy cái DANH!

DANH thực DANH hư cần thiết ráo!

Nước non! Phải có chút DANH gì...!

Liễu Liễu Đường, ngày 30/10/2011

(04-10-Tân Mão)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

QUÁI ÁC TRĂM PHẦN ẤY CÁI DANH!
Rồi tự hỏi: DANH LÀ CÁI CHI CHI? Viết bài thơ bằng lối văn tự ngữ ngôn, nghe ra chẳng có hồn thi hồn thơ gì hết! Vậy mà, tác giả lại coi đây là một thứ khí cụ để dẫn lên mặt mình, thậm chí còn coi đây là một chiêu “nhất dương chỉ” của Đoàn Chánh Thuần, tấn công ngay vào huyết ấn đường của chính mình vậy.

Các bạn thiện hữu tri thức của tôi ơi! Các bạn Phật tử gần xa thân mến của tôi ơi! Tôi muốn nhắc các bạn rằng, trên đường học đạo hành đạo của hàng đệ tử Phật chúng ta, “Cái DANH chẳng là cái chi chi”, vậy mà nó ghê gớm lắm! Hồi xưa như các bạn đã biết, Đề Bà Đạt Đa là đường đệ của đức Phật Thích Ca, tức là anh em chú bác ruột đấy. Thế thì Đề Bà Đạt Đa thuộc hoàng thân quốc thích rồi. Với cái ăn, cái mặc, cái ở, ai cũng biết từ đủ tới dư đối với cuộc sống trong thành phần quý tộc. Vậy mà Đề Bà Đạt Đa đã cạnh tranh với Phật, đã cấu kết với vua A Xà Thế để “hạ” Phật, một anh em thúc bá ruột thịt của mình. Nghe qua ai cũng biết Đề Bà Đạt Đa “chơi” Phật, cố ý “hạ bệ” Phật, chắc hẳn không phải vì cơm áo gạo tiền, mà Đề Bà Đạt Đa muốn cái “chi chi” ấy!

Không nói các bạn cũng biết LỢI nó đi đôi với DANH. Danh và lợi khó mà tách rời nhau, hay nói rõ hơn không thể tách rời nhau. Nó như mặt trời và ánh sáng, ánh sáng với mặt trời vậy.

“Viễn ly lợi đã khó run gân”, nói run gân chỉ có người nông dân hay công nhân mới cảm nhận được, người mà chưa từng đội bưng vác vật nặng thì không thông hiểu được nghĩa cái từ “run gân” ấy. Muốn biết, các bạn thử đội bưng vác, rồi biết! Vậy mà, người ta có thể viễn ly lợi dễ hơn là viễn ly cái danh. Việc đó suy kỹ ra cũng là điều hợp lý, bởi vì có DANH TO mới dễ kiếm LỢI LỚN. Cho nên viễn ly lợi đã khó, mà viễn ly danh lại khó hơn là vậy! Những người nông phu, thành phần công nhân, ai cũng biết những người làm ăn thật thà chất phác ấy, cả đời người ta tự nhận mình là thành phần “lục đục ba cục một ki” mà, vì họ biết mình là những người không có danh vị. Để trắc nghiệm lời tôi nói với các bạn, đề nghị các bạn thử nhớ lại những lần chúng ta đi họp trong một hội nghị nào đó, mà thấy “tôn danh” của mình đặt ở hạng ba mươi, bốn mươi hay năm mươi trong số trăm người, thì mình không mấy vui rồi đấy! Rồi trong các hội thảo khác như hội Công thương, hội Nông dân hay trong những buổi thảo luận Văn hóa nghệ thuật, Khoa học kỹ thuật nào đó, mà tên mình đứng

vào những thứ hạng đầu, thì mình thấy... “khoái”...! Sự thật cái “khoái” của bạn không phải “khoái” vì nghĩ đến những khoản lợi vật chất tiền tài, mà cái “khoái” ấy là khoái tên mình được đứng vào thứ hạng cao!

Danh thực bạn “khoái” là chuyện dễ hiểu, có những bạn còn “khoái” cả danh hư, danh ảo, danh không thực... mà vẫn cứ “khoái”!

Nếu hàng ngũ đệ tử Phật chúng ta mà còn vướng phải một trong những điều khoái ấy, Như Lai gọi đó là những thành phần đáng thương xót!

7 giờ, ngày 04/12/2012 (21-10 Nhâm Thìn)

Đối tượng tham thiền 17

CHỢT NHỚ

Nghìn năm cố thụ dễ tìm ra!

Trăm tuổi, trần gian khó thấy! A?

Sự nghiệp, uy quyền ngon: Bánh vẽ!

Công danh phú quý áng mây qua!

Liễu Liễu Đường, ngày 30/10/2011

(04-10-Tân Mão)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Trên thiên lộ dưới bóng trăng khuya vắng vặc len lỏi soi sáng rừng thông, tôi đi tới lui trên khoảng đường hơn trăm thước, với sở trường “điệu nghệ” của một Thiền sư, bỗng nhiên tôi chợt vừa nhớ lại vừa thấy như sự việc đang trước mặt mình cách đây hơn bảy chục năm... Hồi đó, tôi chịu tang trong số người lớn chịu tang trước bàn hương linh ngoại tôi khói hương nghi ngút, đương nhiên là có mấy thầy cúng chuông mõ cốc keng, với điệu nghệ tiếp triệu vong hồn nghe áo não. Vốn là một học trò Nho hồi sáu bảy tuổi, nhìn thấy tấm tiền bàn, thông thường người nông dân chất phác người ta gọi là tấm quần bàn; tấm quần bàn được các thầy vẽ một cái vòng tròn lớn bằng cái thúng gạo giữa tấm vải trắng vừa vắn khuôn khổ, che phủ cái mặt trước bàn linh, cho nên người ta gọi tiền bàn là vậy; trong cái vòng tròn bằng cái thúng gạo ấy, các thầy họ vẽ một cây tùng gốc to da dẻ sù sì có mắt, có bông, tỏ ra là cây cổ thụ sống trên những gộp đá lổm chổm gồ ghề với những cỏ dại hoa rừng trông đẹp gần như một bức tranh thủy mặc; phía trên nền trời có hình vài con nhạn lơ thơ; bên trên phía tay mặt có bốn câu, các thầy viết bằng chữ Nho khá đẹp:

山中自有千年樹

世尚難逢百歲人

(Sơn trung tự hữu thiên niên thụ

Thế thượng nan phùng bách tuế nhân)

Vì không phải là bài thơ, cho nên sứt xuống ba phân, các thầy họ viết thêm:

功名富貴花間露

事業基圖水上漚

(Công danh phú quý hoa gian lộ

Sự nghiệp cơ đồ thủy thượng âu)

Đó là hình ảnh và chữ nghĩa ở trong cái vòng tròn ấy. Phần trên cái vòng tròn lớn từ phía bên này qua đến phía bên kia của bàn linh có bốn cái vòng tròn bằng cái tô, mỗi vòng tròn có một chữ, từ trái sang phải: “Tang”, “Trí”, “Kỷ”, “Ai”, có nghĩa là tang tóc. Đám tang là sự việc đau thương, nhà có tang lễ là việc đáng buồn.

Bốn câu chữ Nho trong cái vòng tròn lớn như đã nói trên, nội dung của nguồn tư tưởng ấy phát xuất từ nguồn tư tưởng ở giáo lý, kinh điển của đạo Phật, rằng:

Trong núi nghìn năm cổ thụ dễ tìm ra

Trăm tuổi trần gian khó thấy! A?

Đọc hai câu đó, rồi nhắm ôn lại câu thơ của thi sĩ nổi tiếng nhà Đường, Đỗ Phủ: “*Nhân sanh thất thập cổ lai hy*”, có nghĩa người mà được bảy mươi tuổi là hiếm có xưa nay vậy! Bà ngoại tôi hồi đó qua đời đã bảy mươi ba, thế thì ngoại tôi thuộc thành phần hiếm... rồi.

Tiếp tục đọc hai câu dưới:

*Giàu sang danh vọng như sương khói
Sự nghiệp cơ đồ bọt nước trôi.*

Hai câu ấy có ý nhắc nhở cho mọi người, nhất là cho hàng đệ tử Phật rằng: Dù công danh to lớn, dù giàu sang như Thạch Sùng thuở xưa cũng không có gì bền chắc, nó ví như hạt sương ở trong lòng của một cánh hoa. Sự nghiệp cơ đồ dù rộng lớn mệnh mông như một giang san, đất nước, nhưng rồi không ai lấy gì bảo đảm dài lâu, mà sự thịnh suy hưng phế chập chờn đe dọa cướp lấy đổi thay. Và, cuối cùng sự thật đã đến, tất cả đều sanh diệt diệt sanh như bọt nước đầu ghềnh, chỉ có sự diệt sanh sanh diệt ấy không bao giờ thay đổi.

Thế thì:

*“Sự nghiệp uy quyền ngon: Bánh vẽ
Công danh phú quý áng mây qua!”*

lại là chân lý ư?!

Liễu Liễu Đường

16 giờ, ngày 04/12/2012 (21-10 Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiên 18

ĐẾ VƯỢNG

*“Đế vượng” tung ra: ... lá trong tay
Chơi đi chơi mãi cứ chơi hoài
Ngón tay cứ chỉ vầng trăng sáng
Lá rụng bay bay để... tặng ai!*

Liễu Liễu Đường, Ngày 3/11/2011

(08-10-Tân Mão)

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tràng sinh, Mộc dục, Quan đới, Lâm quan, Đế vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng, đó là tên những sao thuộc vòng Trường sinh dành cho những người thích chơi tử vi phải thuộc. Theo khoa Tử vi, mười hai sao đó nó sắp xếp định mạng vui, khổ, giàu, nghèo, tiền vận, hậu

vận để thầy tướng số dựa theo đó mà cắt nghĩa, mà hù nhân thế chơi... thấy cũng vui vui!

Khi tôi viết bài thơ có cái nhan đề “Đế vượng” này, nói ra các bạn đừng cười, chứ tôi có một ít “ưu tư” gần như có sự “rầu rĩ râu ria rậm rạp” đối với tuổi thọ của mình. Chơi với môn Tử vi mà đại hạn của mình đến và trúng vào sao Đế vượng, thì không ai không thích. Tôi trúng sao Đế vượng lại vào cái tuổi tám mươi lăm. Nếu cứ theo sự phán xét cắt nghĩa của thầy tướng số thì mười tuổi nữa tôi được hưởng lộc “Đế vượng” của sao Đế vượng ấy.

Các bạn ơi, nếu “mê” cái sao Đế vượng, mà đế vượng cộng thêm mười, thì chín mươi lăm cái “xuân xanh” tôi chịu sao cho nổi! Đức Phật của chúng ta mà “viên tịch” ở tuổi tám mươi, còn như tôi đây... phước đức bao nhiêu... trí tuệ bao nhiêu... mà chưa bằng lòng “dừng lại”? Thế cho nên, nghĩ đến tuổi mình, nhớ đến tuổi Phật, bạn bảo tôi không “buồn” sao được?

Nói là nói vậy, chứ có ai quyết định cho đời mình được gì đâu. Cái an ủi của tôi là ở tuổi này mà tôi còn đang viết tập sách nhan đề NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY và những tập sách nhỏ NGÓN TAY CHỈ TRẮNG, dụng ý tặng cho Phật tử gần xa, cho những Tăng Ni trẻ hữu duyên

đọc chơi. Nếu có ý tứ nào nhắc nhở trong ấy mà hữu ích cho việc tu học của mình thì các bạn lượm lấy mà dùng, nếu không thích những bài những câu thơ ấy thì khỏi phải nhớ và cứ ném hăm nó bỏ đi. Bởi vì, trong quá trình diễn nói nhắc nhở, mà thông thường người ta gọi là giảng kinh, với vai trò của mình tôi nói rất nhiều lần với các bạn rằng: Tất cả việc làm của tôi như làm chơi, ăn chơi, học chơi, tu chơi và sống chơi... chừng hết sống lại cũng chết chơi...! Chết với cái chết “Liễu tri sanh tử bất tương can” mà Huyền Giác Thiền sư đời nhà Đường đã nói cách đây hơn ngàn năm.

Mời các bạn đạo Phật tử gần xa, các Tăng Ni trẻ chúng ta cùng chơi, có được chăng?

Liễu Liễu Đường

7 giờ, ngày 05/12/2012 (22-10 Nhâm Thìn)

Đối tượng thiền 19

NÓI GÌ ĐÂY?

(Phật Đà Trường (231- 348) 117 tuổi, độ nhân sanh bằng cách
tụng chú xuất thần thông...)

Thôi! Nói gì đây! Nói với ai?

Tìm đâu Chánh kiến? Biết ai tà?

Nói gì không đúng? Không gì đúng!

Bởi lắm căn cơ, lắm trí ngu!

Liễu Liễu Đường. Ngày 09/11/2011

(14-10-Tân Mão)

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đọc bài thơ “NÓI GÌ ĐÂY?”, có lẽ không ít người cảm thấy bức cái mình! Thơ thì chẳng có hồn thơ hồn thi gì, ngôn ngữ văn tự thì chẳng có bay bướm, chẳng nhạc điệu hay ho gì, mà dấu hỏi dấu than làn khan lổn ngổn! Nhưng nếu chịu khó suy nghĩ một chút thì thấy nội dung của bài thơ dường như tác giả có ý gởi gắm, có chứa đựng và muốn bộc lộ nỗi niềm “ấm ức”, thao thức, bức bối điều gì đó ở... lòng mình!

Rõ ràng là vậy! Trọng tâm của vấn đề chứa đựng trong nội dung của bài thơ, tác giả cho biết có mấy điểm dưới đây:

- Chánh kiến – Tà kiến.
- Đúng – Sai.
- Chân – Ngụy.
- Trí – Ngu...

Theo giáo lý đạo Phật bên mặt Chân đế, Vô vi, Bản thể của hiện tượng vạn pháp thì ly văn tự, ly ngữ ngôn. Cho nên dùng mắt mà nhìn, dùng lời nói mà diễn đạt, thì không thể thấu rõ cái tột cùng và không chính xác được. Do vậy Như Huyền Thiên sư đã khẳng định: NÓI GÌ CŨNG KHÔNG

BAO GIỜ TRÚNG. Tuy nhiên sự thật bên mặt Tục đế, Hữu vi, Hiện tượng ở trên cõi đời thì:

- Chánh tà là sự thật, có thể chỉ ra.
- Đúng sai là sự thật, có thể nói ra.
- Chân ngụy là sự thật, cũng có thể chỉ ra.
- Trí ngu là sự thật, có thể phân biệt ra dễ dàng.

Vậy mà, những sự thật ấy muốn nói không thể nói. Muốn chỉ, không dám chỉ. Muốn phê phán chánh tà, đúng sai, chân ngụy, trí ngu, không thể nói và không dám nói thì sao lại không “ấm ức”, không “buồn” sao được!

Nếu là người trí, là người có học chánh pháp, có hành chánh pháp, có tu tập đúng chánh pháp, đã phát tâm nguyện đi theo con đường Khất sĩ của đức Phật Thích Ca, tu theo lời Phật dạy về GIỚI, ĐỊNH, TUỆ, GIẢI THOÁT, GIẢI THOÁT TRI KIẾN. Nếu dựa trên Tam tuệ học VĂN, TU, TU mà đọc sách LỊCH SỬ PHẬT GIÁO TRUNG QUỐC của Hòa thượng Thích Thanh Kiểm và đọc quyển sách CAO TÀNG QUA CÁC TRIỀU ĐẠI Ở TRUNG QUỐC của Sư cô Như Lộc, mà giữ được tâm mình cho bình thản là một điều khó, rất khó!

Sa môn Phật Đồ Trùng gốc người Tây Vực đến Trung Quốc vào thời kỳ Ngũ Hồ Thập Lục quốc. Ông đã làm Quốc sư nhà Hậu Triệu triều vua Thạch Lặc và Thạch Hổ. Sách sử chép khả năng của ông đóng góp cho ngành nghề Quốc sư của mình là không dịch kinh, không giảng kinh như các Sa môn khác, mà ông dùng thần thông, pháp thuật để “hành đạo” như: Tụng thần chú để sai khiến quỷ thần, dùng dầu vừng thoa vào lòng bàn tay để biết chuyện gần xa ngoài ngàn dặm... Ngoài những thủ thuật thần thông phép tắc ấy ra, về sự nghiệp cơ đồ vật chất, ông dựng được 893 ngôi chùa trong nước. Hẳn ai cũng có thể biết quy mô của các ngôi chùa Quốc sư lập là thế nào!

Qua mẫu chuyện lịch sử ngắn ngủi bé xiu như trên, người đệ tử Phật chân chánh không thể vui, không thể tán đồng và tùy hỷ được! Và nếu như, đem chuyện này mà trình bày với Phật Thích Ca hẳn là Phật sẽ nói: Như Lai vốn là một thái tử, các thầy còn nhớ chứ? Sau khi thành Phật Như Lai có thể xin phụ hoàng và mẫu hậu để xây chùa, ít lắm cũng có được như sự nghiệp xây dựng của “Ngài” Phật Đồ Trùng đã làm. Còn như chuyện thần thông thì Như Lai cấm tuyệt. Trong hàng Tỳ kheo không ai được bày trò huyền hoặc phỉnh phờ gạt gẫm bá tánh. Điều đó không nên! Còn như việc

dùng dầu vừng để biết chuyện ngàn dặm thì Như Lai cũng chưa học, chưa làm “phép” đó bao giờ. Các thầy ở gần Như Lai có lẽ nào các thầy không thấy được điều đó?

Việc làm “Phật sự”, “hóa đạo”, “truyền bá” của Ngài Quốc sư Phật Đồ Trừng, đừng đem ra hỏi Như Lai vì Như Lai không thể biết được những điều như vậy!

Liễu Liễu Đường

8 giờ, ngày 06/12/2012 (23-10 Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 20

TIỀN XÍCH BÍCH

Không cười sao được hồi chư quân!

Phú quý vinh hoa nghĩ hỡi hùh!

Thủ đoạn! Trời ơi! Khôn xiết kể?! ...

Quen người biết mặt khó đo lòng!

Liều Liều Đường

Ngày 10/11/2011 (15-10-Tân Mão)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cái nhan đề TIỀN XÍCH BÍCH trong tập thơ chuyên nói về những “đối tượng thiên” trong nguồn giáo lý Phật, vừa nghe hẳn có người cho như có gì lạ lạ!

Viết bài này tôi muốn nói với Phật tử gần xa, nhất là muốn nhắn nhủ Tăng Ni trẻ, rằng trên đường tu học của chúng ta đừng bao giờ tự mãn, đừng bao giờ thấy đủ, thậm chí phải biết “tham”. Tôi rất thích câu nói vừa có tánh động viên, mà như có tánh thúc giục: “Học, học nữa và học mãi”. Câu nói đó không phải của đạo ta, không phải của những bậc Sa môn tiền bối kỳ cựu đa văn, cũng không phải của đức Phật. Vậy mà riêng tôi, tôi thích dữ lắm! Câu nói đó là của một chính trị thiên tài thế giới thời cận đại. Tôi thích bởi vì câu nói đó hợp với ý kinh, lời Phật của đạo ta, đó là chánh tinh tấn mà đức Phật nhắc nhở cho đệ tử Người suốt lộ trình tu tập ấy.

Viết bài thơ có nhan đề Tiền Xích Bích là tôi có ngầm ý giới thiệu, nhất là cho đối tượng Tăng Ni trẻ, rằng: Chúng ta học chánh pháp, hành chánh pháp, không phải hờ ra lời nói chỉ biết nói... Phật Phật... Trời Trời... Thần Thần... Thánh Thánh...!

Nói tới việc thực hành thì chỉ biết dạy ngồi như thế này... quỳ như thế nọ... lạy theo kiểu kia, mà cho là đã đủ. Giới thiệu bài thơ Tiền Xích Bích với các bạn là tôi muốn giới thiệu với các bạn, ngoài việc đọc tụng, thọ trì Nội giáo ra, Tăng Ni trẻ còn nên đọc, học nhiều sách, nhiều thứ sách, trong đó kể cả tiểu thuyết truyện Tàu (Trung Quốc).

Xích Bích là tên của một trận giặc ác liệt động địa kinh thiên của thời Tam Quốc trên một con sông. Để thành tựu cái hậu quả của trận giặc kinh thiên động địa rúng động vạn vạn nhân tâm ấy, vai tuồng chánh để đạo diễn thành tựu cho sự tàn hại cả chục vạn sinh linh, ngàn tướng sĩ, cả bao nhiêu ngàn thuyền bè, bao nhiêu kho lương thực, bao nhiêu máu chảy đầu rơi... đó là Chu Du, Ngô Tôn Quyền, Lỗ Túc... Đối trọng của Chu Du là Tào Tháo. Vai trò kết hợp thì có Khổng Minh, Lưu Bị... Phụ thuộc có Phụng Sồ... Về nạn nhân cam tâm làm trái độn, coi như góp một phần đuốc và lửa để đốt toàn bộ chiến thuyền của Tào Tháo bị kết chặt, bằng liên hoàn kế của Phụng Sồ. Và, hứng thú nhất là chuyện Tử Dực, tức Tưởng Cán bạn cố nhân của Chu Du, Chu Du tiếp đãi cố nhân với một sự đón tiếp trịnh trọng nồng nàn thực thực hư hư vô cùng ngoạn mục. Rồi việc Tào Tháo lại tự giết hại Thái Mạo và Trương Doãn, hai tướng đại đô đốc

thủy chiến của mình... Thái Trung, Thái Hòa là hai bộ tướng của Tào Tháo trá hàng làm phản giáng, tưởng mình là tâm phúc của Chu Du, được Chu Du trọng dụng, thế mà khi phát xuất cuộc hành quân đánh trận Xích Bích, lễ tế cờ phát quân của Chu Du lại là hai cái thủ cấp của hai vị tướng ấy... Lúc Hoàng Cái bị Chu Du đánh khảo trước mặt bá quan tướng sĩ bằng thứ hình phạt thập tử nhất sinh, nghe thôi mà tôi đã ứa nước mắt muốn khóc! Chừng rõ lại, tự thấy mình lầm! Nếu không có trận đòn thập tử nhất sinh của Hoàng Cái đóng vai trò ‘khổ nhục kế’, thì mười vạn hải lục tinh binh của Tào Tháo không có lửa đâu để đốt cháy rực trời, thiêu rụi cả hàng ngàn chiến thuyền và hàng chục vạn tinh binh của Tào Tháo dưới ngọn Đông phong lúc nọ.

Vừa đọc chuyện “Tiền Xích Bích”, vừa gẫm nguồn giáo lý của đạo Phật ta, tôi thấy thương đức Phật quá, tôi xúc động ngậm ngùi và tôn kính mà không thể dùng ngữ ngôn văn tự nào tả hết được. Đức Phật rõ là bậc “Đại Giác Thế Tôn”! Trận Xích Bích tàn hại sinh linh, thiêu rụi chiến thuyền, quân lương, khí giới ấy đã nói lên kết quả của chân lý “duyên sanh” một cách rõ ràng và cụ thể nhất. Chưa hết, cái ngòi của viên pháo để kích nổ, để tạo thành ngọn lửa rực trời kia là lá thư trá hàng của Hám Trạch. Và Hám Trạch là nguồn dẫn hỏa, lại là

nguyên nhân chính khiến cho Chu Du thành công, lập một đại kì công nổi tiếng cho Đông Ngô và cho tác giả La Quán Trung, người viết ra bộ truyện Tam Quốc...

Tăng Ni trẻ thân mến, một lần nữa tôi nhắc với các bạn, cũng là nhắc với các Phật tử gần xa rằng: “Đối tượng thiền” của thiền trong đạo Phật chúng ta, không phải chỉ ở dưới cái bàn “tọa”, chờ khi nào ta “tọa” mới có thiền. Đối tượng thiền, các bạn hãy nhìn, hãy thấy, hãy gặp, hãy biết, hãy nghe, hãy nhớ trong tất cả mọi thứ trên đời. Hãy xác định tất cả hiện tượng vạn pháp là pháp Hữu vi, đã là pháp Hữu vi thì tự nó trở thành đối tượng thiền rồi vậy! Đệ tử Phật mà quên “Nhất thiết Hữu vi pháp; như mộng, huyễn, bào, ảnh; như lộ diệc như điện; ưng tác như thị quán”, thì hãy nên ôn lại cho thuộc... Đó chẳng phải tất cả vạn pháp là đối tượng thiền sao?

... Thế thì, tiền Xích Bích, Xích Bích hay hậu Xích Bích cũng đều là đối tượng thiền. Thiền ở đây là thiền để thấy rõ “nhân tâm”, nhân tâm rất đáng sợ! Người xưa nói: “Bất phạ hổ sanh tam cá khẩu; Chỉ khủng nhân hoài lưỡng dạng tâm”. Cọp ba miệng không đáng sợ lắm, mà rất sợ trái tim con người sao có quá nhiều ngăn, nhiều lỗ...!

Liễu Liễu Đường

7 giờ, ngày 07/12/2012 (24-10 Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 21

PHÁP VƯƠNG

*Pháp vương mới cũ khác chi chẳng?
Danh tự trùng nhau nghĩa chẳng đồng!
Thật nghĩa Pháp vương: Vua các pháp!
Ngã nhân... thọ giả... thấy đều không!*

Liễu Liễu Đường

Ngày 23/11/2011 (28-10-Tân Mão)

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đức Phật, đức Phật Thích Ca là giáo chủ của đạo Phật. Theo giáo lý đạo Phật, tiêu chuẩn của một vị Phật là người vượt ra khỏi tất cả nguyên nhân và khổ quả của ba cõi (Dục, Sắc, Vô sắc), là người tự tại, tự do, tự chủ, không còn dính mắc, không còn tương quan với những gì thuộc khổ nhân và khổ quả của Tam giới. Thế cho nên, PHÁP VƯƠNG là một tôn hiệu khác của Phật khi nhìn bên mặt tự chủ, tự do, tự tại. Nói một cách đơn giản dễ hiểu Phật là Phật, Pháp vương cũng là Phật khi ta nhìn, khi ta hiểu bên nghĩa tự do, tự tại, tự chủ đối với vạn pháp.

Người xuất ly Tam giới, gọi là Pháp vương cũng tức là Phật. Theo đạo Phật thì không có tục lệ kế thừa vọng tộc hay tông phong gì hết. Ai là người có đủ tiêu chuẩn tự giác giác tha, tự lợi lợi tha, tự do, tự chủ, tự tại trước hiện tượng vạn pháp là Pháp vương... Đó là tiêu chuẩn bất di bất dịch trong đạo Phật.

Tiêu chuẩn của một “Pháp vương cũ” là vậy!

...

Liễu Liễu Đường

20 giờ, ngày 07/12/2012 (24-10 Nhâm Thìn)

Đối tượng tham thiền 22

TÊN GỌI!

*Như Lai? Phật Tổ? Một mà hai
Dẫu gọi tên... gì... cũng chẳng sao!
Vô ngã, vô nhân, vô thọ giả!
Chức danh... ngôn ngữ để tâm chi...?*

Liễu Liễu Đường, Đồi Tà Dương

Ngày 25/11/2011 (1-11 Tân Mão)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cái từ TỔ, tôi đã từng đề cập và đã viết ra thành đề tài để nhắc nhở về nguồn gốc của cái văn tự ấy. Rằng, Tổ là người đứng đầu phát minh, sáng chế, tạo tác một nghề, một nghiệp, một ngành nào đó. Tổ thời xưa phát minh, sáng chế được một nghề gì đó thường hay giấu đi. Do vậy, Tổ xưa làm chậm tiến cho nhân loại trong một thời gian khá dài. Khoảng chừng năm, bảy thế kỷ trở lại đây có nhiều ông Tổ phát minh những ngành nghề có tính đặc sắc và hiện đại, nhưng mà họ khôn lăm, họ đăng ký sở hữu tác quyền để làm chủ sở hữu trí tuệ trọn vẹn, rồi sản phẩm ấy lưu hành bán ra cho trong nước và ngoài nước. Do vậy, họ giàu “kinh khủng” không giống Tổ xưa.

Theo kinh điển của đạo Phật, Phật không chỉ có danh hiệu PHẬT TỔ hay NHƯ LAI, mà còn nhiều danh hiệu khác nữa, mỗi danh hiệu đều có ý nghĩa cứu đời giúp người. Người đệ tử Phật có tâm lành nghe mà thương, mà kính đức Phật không sao nói hết! Vậy mà, Phật Thích Ca, đại biểu cho danh hiệu Phật mười phương chưa từng nói, chưa từng khoa trương tự xưng mình là Phật Tổ bao giờ!

Cái danh từ “Phật Tổ Như Lai” có lẽ do Ngô Thừa Ân, tác giả bộ truyện Tây Du Ký phong tặng từ đời nhà Minh ấy mà. Nếu Phật là một Như Lai thì không bao giờ Như Lai làm cái việc hợp tác với Ngọc Hoàng Thượng đế bày trò đánh cuộc với Tôn Ngộ Không, và rồi thực hiện âm mưu quỷ quyết của mình, đã biến năm ngón tay của mình thành Ngũ Hành sơn chụp đê lấy Tôn Ngộ Không cả năm trăm năm, khoảng thời gian dài đủ để rong rêu cây lá mọc đầy mồm đầy mũi của Tôn Ngộ Không! Người đê Tôn Ngộ Không là “Phật tổ Như Lai” đấy! Vì Tổ xưa luôn luôn bảo vệ lấy “tác quyền” và “sở hữu trí tuệ” ấy mà!

Đức Phật thiệt mà chúng ta cần phải học là: NHƯ LAI, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI, MINH HẠNH TÚC, THIỆN THỆ, THỂ GIAN GIẢI, VÔ THƯỢNG SĨ ĐIỀU NGỰ TRƯỢNG PHU, THIÊN NHÂN SỰ, PHẬT, THỂ TÔN, có cả mười đức hiệu lận! Dù vậy, theo tinh thần đạo Phật thì ai đó gọi Phật “tên gì... cũng chẳng sao”. Bởi vì: “PHÀM SỞ HỮU TƯỚNG GIAI THỊ HƯ VỌNG”, “LY NHẤT THIẾT CHƯ TƯỚNG TỨC DANH CHƯ PHẬT”! Bởi vì, nhìn qua Phật nhân thì hiện tượng vạn pháp là VÔ NGÃ, VÔ NHÂN, VÔ CHÚNG SANH, VÔ THỌ GIẢ.

Do vậy, Như Huyền Thiền sư đã nói, đã viết rất nhiều lần rằng: Tất cả sự vật hiện tượng NÓI GÌ CŨNG KHÔNG BAO GIỜ TRÚNG. Cho nên “Chức danh ngôn ngữ để tâm chi?”...

Liễu Liễu Đường

15 giờ, ngày 08/12/2012 (25-10 Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 23

TỰ NÓI...

Gẫm thế sự tôi tự nói: Không gì để nói!

*Nói gì đây? Đã biết rõ vạn pháp chẳng có
thật gì!*

“Có” còn không, thì “thật” lấy đâu ra?

*“Thật” vốn không thật, “có” càng không
thể nói!*

Nếu bảo có, có gì xin... chỉ...?

Có mà chân, làm gì có bãi bể nương dâu!

Tôi biết! Nói ra cũng chẳng nói được gì...!

Vẫn cứ nói, nói với càn khôn vũ trụ!

Ngày 27/11/2011 (3-11 Tân Mão)

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ở vào những bậc được gọi là thành phần trí thức có sở thích nghiên cứu về nguồn gốc của hiện tượng vạn hữu, người ta nhìn và tư duy nhận thức hiện tượng vạn hữu trong vũ trụ qua ba mặt THỂ, TƯỚNG, DỤNG. Rồi dựa trên cơ sở thể tướng dụng ấy mà luận bàn, phân tích, đánh giá. Cuối cùng kết luận đưa ra một lý thuyết, một chủ trương. Lý thuyết chủ trương nào hữu lý nhiều hơn, được nhiều người chấp nhận hơn, người ta gọi đó là một môn triết học. Nhiều người đưa ra nhiều lý thuyết, nhiều lập trường, nhiều chủ trương người ta gọi đó là những nhà Triết học. Những nhà Triết học cổ kim nhiều lắm, những lý thuyết của họ tựu trung luận đàm phân tích về THẬT HU, CHÂN GIẢ, CÓ KHÔNG... của hiện tượng vạn hữu.

Thiện ý của những nhà Triết học thì nhiều, nhưng kết luận của họ cho tới thế kỷ 21 này, chừng như chưa có kết luận nào được tất cả mọi người coi là hoàn toàn “vỡ lẽ”! ...

Nhân danh “nhà” Phật học, Như Huyền Thiền sư đã khẳng định rằng: Đem các vấn đề thật hư, chân giả, có không của hiện tượng vạn hữu mà

bình luận thì KHÔNG BAO GIỜ TRÚNG, bởi vì dưới nhãn quang của nhà Phật học:

“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng PHI TƯỚNG tức kiến Như Lai”.

(Xuất Kim Cang kinh)

Qua Tuệ nhãn của những Thiền sư, của những nhà Phật học, họ nhìn tất cả những cái có: Có dáng vẻ, có hình hài, có cao thấp... có TƯỚNG, đều là huyễn vọng...! Người đệ tử Phật nào thấy được tánh PHI TƯỚNG của các tướng, của sự vật hiện tượng, người đó là người được thấy, được gặp Như Lai!

Còn nữa, nhìn hiện tượng vạn hữu qua Phật nhãn, Phật dạy: Nhất thiết Hữu vi pháp 1. Như mộng, 2. Như huyễn, 3. Như bào, 4. Như ảnh, 5. Như lộ, 6. Như điện, 7. Như dương diệm, 8. Như Càn Thát Bà thành, 9. Như thủy trung nguyệt, 10. Như cảnh trung tượng.

Cái từ “Hữu vi pháp” tức là hiện tượng vạn hữu. Mà hiện tượng vạn hữu thì Phật dạy: Hãy quán chiếu soi rọi và nhận thức THỂ TƯỚNG DỤNG của chúng như mười cái thí dụ ở trên. Do vậy qua cái nhìn, cái suy gẫm thể sự của Như Huyền Thiền sư thì KHÔNG CÓ GÌ ĐỂ NÓI. Nếu có nói cũng chưa chắc thuyết phục được bao nhiêu

người đồng tình với mình. Biết đâu, cuối cùng cũng trở thành một thứ hiểu biết, một thứ “triết lý” chưa hoàn toàn “vỡ lẽ” như ai??? Dù vậy, đem hết tâm huyết của mình và biết rằng: “Nói ra cũng chẳng nói được gì”... Nhưng “Vẫn cứ nói, nói với càn khôn vũ trụ!”.



Đối tượng tham thiền 24

ASEAN CHỦ TỊCH HỘI NGHỊ 2010 Thành công rực rỡ

*Việt Nam rõ mặt anh hùng
Mỹ, Nga bầu bạn xóm làng năm châu
Giao lưu rộng mở hoàn cầu
Màu da chủng tộc, màu cờ sắc dân
Thân thương tiếp đãi một đường
Trái lòng bình đẳng công bằng ban giao
Xóa tan ý niệm bạn thù
Nước giàu học hỏi, nước nghèo đỡ nâng
Học khôn rộng mở tầm nhìn
Cần nhu lượng biết sức mình giao du!
Nghìn năm một thuở đặc thù
Nghìn năm quốc sử điểm son chói lòa...
Anh thì đáng bậc anh tài*

*Em như hoa hậu anh nào cũng yêu
Việt Nam em gái mỹ miều
Đẹp người đẹp nét cảm siêu anh hùng!
Asean hội nghị thành công
Hương trời ngào ngọt tỏa tràn năm châu...
Truy tầm lịch sử mà suy
Thăng trầm vinh nhục tùy cơ tùy thời
Rõ nay thời đại “quang vinh”
Năm châu bốn biển đáp tình Việt Nam
Cấp cao thượng đỉnh hoàn cầu
Đồng tâm dị khẩu lời lời tán dương
Mừng thay con cháu Lạc Hồng
Sánh vai thế giới dứt lòng tự ti*

06 giờ 30, ngày 31/10/2010

(24-09-CD)

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ở vai trò thân phận của một lão Tăng hơn 80 tuổi, lại sẵn có cái vốn “thiếu dục vô vi”, ái mộ cách sống “an bần lạc đạo” gần với lối sống của đức Thế

Tôn mình, dựa trên giáo lý “Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác”... vào ngày 31/10/2010 khi nghe tin tức Hội nghị Asean tổ chức tại Việt Nam, mà Việt Nam là Chủ tịch lãnh vai trò tổ chức hội nghị và hội nghị đã đem lại kết quả thành công rực rỡ, rõ ràng:

*“Asean hội nghị thành công
Hương trời ngào ngạt tỏa tràn năm châu...”
... “Mừng thay con cháu Lạc Hồng
Sánh vai thế giới dứt lòng tự ti”*

Là một Tu sĩ dòng dõi Thích Ca, đâu có mong gì hơn ở trong một giang sơn Tổ Quốc, một đất nước thanh bình mà “Phong điều vũ thuận, quốc thới dân an. Gia gia vô cơ cần chi ưu, xứ xứ hưởng thái bình chi lạc...”, thì người Khất sĩ vui mừng giống như nỗi niềm vui mừng của toàn dân ở trong một đất nước hùng cường và AN CU’ LẠC NGHIỆP vậy!

Liễu Liễu Đường

16 giờ 30, ngày 09/12/2012 (26-10 Nhâm Thìn)

Đối tượng tham thiền 25

CẦU BẤT ĐẮC!

*Đến với Như Lai hãy nghĩ suy!
Như Lai chẳng có cái gì cho!
Cầu xin vô ích đừng van nguyện...?
Vô ngã vô nhân: PHẬT... ấy mà!*

Liễu Liễu Đường

20 giờ 30, ngày 09/12/2012 (26-10 Nhâm Thìn)



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đức Phật cho biết: Ai là người đệ tử Phật, học tu đúng theo giáo lý Phật dạy thì mọi người đều có thể gặp Như Lai, thấy Như Lai. Tuy nhiên, muốn thành tựu kết quả ấy người đệ tử Phật phải lòng dạn lòng với một tinh thần tự tin tự chủ, độc lập tự do của chính mình, đừng bao giờ hiểu Phật, hiểu Như Lai như một đấng toàn năng, toàn tài, toàn trí, toàn quyền có khả năng giúp đỡ, cứu rỗi hay ban cho...

Suốt quá trình Như Lai Thế Tôn Phật giáo hóa quần sinh, làm cái việc gọi là tự lợi lợi tha, đức Phật nêu ra cụm từ nguyên tắc được xem như kim chỉ nam cho hàng đệ tử Phật trên đường tu học: VẤN, TU, TU để thành tựu một tiến trình có tính hỗ tương liên hoàn, tương quan tác động lẫn nhau là: GIỚI, ĐỊNH, TUỆ, GIẢI THOÁT và GIẢI THOÁT TRI KIẾN. Nguồn giáo lý then chốt ấy răn nhắc và hướng dẫn cho những ai muốn đi con đường Phật, muốn thấy Như Lai, muốn đạt đến cái quả An lạc Giải thoát, thì mình tự tu sửa Tam nghiệp và làm chủ lục căn, mình tự quyết định đời mình mà không mong cầu ở nơi ai khác. Một sự thật hiển nhiên trong cuộc sống của loài người mà ai cũng biết: Ai ăn nấy no, ai ngủ nấy khỏe, ai học nấy biết, ai trồng cây mới có thu hoạch hoa trái, ai

gieo lúa mới có thóc gạo để ăn... Không ai ăn dùm ai được, không ai ngủ thế cho ai được, không ai học giúp cho ai được... Đó là chân lý hiển nhiên và đó cũng là nguồn giáo lý Nhân quả mà đức Phật đã dạy.

Kinh điển Phật nhiều lắm, cho nên có cụm từ “Pháp môn vô lượng” và cụm từ “Thệ nguyện học”. Tuy nhiên, với thành phần chủng tánh căn cơ bậc Thượng thì chỉ cần ứng dụng tinh thần Thượng sĩ: Vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Đó là tinh thần “Nhất quyết nhất thiết liễu” của Huyền Giác Thiền sư để lại cách đây hơn ngàn năm.



Đối tượng tham thiền 26

CÁI Ô

*Cái ô che tạm nắng và mưa
Ô rách thì ta tựa bóng cây
Đông đến cành trơ cây trụi lá
Bấy giờ ta tạo túp lều... thưa...!*

Ngày 11/12/2011 (17-11 Tân Mão)

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Bài thơ nhan đề “Cái Ô”, nó mạnh nha ngay lúc tôi cầm cái ô che mưa rỉ rả đi trên một con đường tráng xi măng, bề ngang khoảng 40 cm, dài hơn trăm thước, mà tôi đặt cho nó cái tên là Thiên lộ (con đường để thiền hành). Đó là đoạn đường từ Liễu Liễu Đường đến cái “cốc” nhỏ mà tôi đặt là

Thiếu Thất. Cái tên Thiếu Thất nói ra các bạn đừng cười, khi giảng tôi có thói quen nói nghe như “hùng hồn”, như bạo tợn, như có vẻ du côn (nhiều người nói vậy), nhưng thú thật lòng tôi “yếu xiu” dễ xúc động lắm! Cho nên khi sử dụng tới cái âm thanh Thiếu Thất, lòng tôi nao nao nhớ mà chẳng biết nhớ ai... Khi tôi nhớ đến một câu đối, lòng tôi tự nó ngâm ngùi sao ấy:

少室庭前千杖白雲寒立雪
黃梅林裏一輪明月夜傳依

“Thiếu thất đình tiền, thiên trượng bạch vân hàn, lập tuyết

“Huỳnh Mai lâm lý, nhất luân minh nguyệt dạ, truyền y”.

Nhan đề “Cái Ô” và nội dung bài thơ, nếu không sợ người ta nói dài dòng văn tự thì có thể tôi cho thêm cái phụ đề “Mở đường... vô úy”... Hồi xưa, đức Phật đi tu rồi thành đạo, kinh điển Phật cho biết Phật có bốn món vô úy, thuật ngữ gọi là TỨ VÔ SỞ ÚY, có nghĩa là đức Phật có bốn điều làm cho Phật không hề có sợ hãi lo âu:

1. Nhất thiết trí vô sở úy: Phật là người Nhất thiết trí.

2. Lậu tận vô sở úy: Phật là người sạch hết phiền não vô minh.

3. Thuyết chương đạo pháp vô sở úy: Phật đủ sức chỉ dạy rõ tất cả nguyên nhân làm đau khổ cho con người.

4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy: Phật đủ sức chỉ dạy rõ tất cả nguyên nhân đem đến an lạc cho con người.

Trong các kinh điển đức Phật cho biết qua, rằng Phật có những tiêu chuẩn vô sở úy như thế.

Tôi, Như Huyền Thiên sư mệnh danh là một đệ tử thuộc hàng hậu... hậu... hậu bối. Trong quá trình tu học tôi cũng bắt chước đức Phật tự sắp xếp cho mình một tiêu chuẩn Tứ vô sở úy:

1. Kiến đế vô sở úy: Năm bắt kỹ giáo lý, thiền định sâu chân lý.

2. Công danh tùy phận vô sở úy: Trọn đời không mong cầu chức tước, không đam mê danh dự, không dám nhận lời khen, chỉ đóng góp với đoàn thể, với đạo pháp, với bạn đồng tu bằng khả năng có thể có của mình...

3. Sự nghiệp vô cầu vô sở úy: Không mưu cầu sự nghiệp gì hết kể cả chùa, tượng Phật và tháp điện. Bất đắc dĩ phải ở vào “Trung thất” hay “Thiếu thất”, mà tự thấy xấu hổ vô cùng. Bởi vì, nghĩ đến đức Phật mình là thái tử có thể làm vua, vậy mà đi làm Khất sĩ để tầm chân lý và thành Phật. Thành Phật rồi lại cứ tiếp tục làm Khất sĩ cho

đến ngày viên tịch. Trước khi viên tịch có yếu, có bệnh, đương nhiên là có khó khăn. Vậy mà cũng không trở lại hoàng cung và cuối cùng viên tịch ở trong một khu rừng... Nghĩ vậy mà tôi tự nói với mình: “Mày là cái thá gì mà đòi ăn sang ở trọng?”...

4. Tử vô tán địa vô sở úy: Chết không cần chôn, xưa kia Phật viên tịch theo phong tục của nước Ấn Độ đa số là trà tì. Trà tì tức là hỏa thiêu, mà hỏa thiêu thì xương tàn cốt rụi, đương nhiên là phải còn xương tàn cốt rụi của Phật, người ta gọi đó là Xá lợi. Do vậy, danh từ XÁ LỢI, Trung Quốc dịch LINH CỐT. Linh cốt là tiếng xưng gọi một cách trân quý. Sự thật vẫn là sự thật. Linh cốt, hỏa thiêu tức là xương tàn cốt rụi vậy. Vậy mà, sách sử Phật ghi lại rằng: Mọi người dành chia nhau, trong những người dành đó nghe có cả mấy vị vua cạnh tranh náy lửa. Nếu ông Ca Diếp hay mấy ông nào nữa đòu mà can thiệp không khéo, thì có đổ máu ngay lúc nọ... Nghĩ đến chuyện xưa của Phật rồi nghĩ đến phận mình, sắp xếp cho mình một cái chết sao cho nhanh... gọn... nhẹ.

Viết tới đây tôi xin cảm ơn trước Ban giám đốc, Ban điều hành bệnh viện Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh đã nhận đơn và hứa nhận xác tôi để cho sinh viên học tập.

Con đường vô úy hay con đường vô sở úy, muốn thành tựu kết quả ấy “duy nhất đúng” chỉ có con đường Khất sĩ, ngoài ra không có con đường nào khác. Nếu chưa thực hiện được Khất sĩ thì ít ra phải là người “thiếu dục tri túc”, “an bần lạc đạo”, “duy tuệ thị nghiệp” như bài thơ “Cái Ô” đã viết:

... “Bấy giờ ta tạo túp liều thưa”!

6 giờ, ngày 10/12/2012 (27-10 Nhâm Thìn)

Đối tượng tham thiền 27

CHÓ và TÔI

*Chú chó và tôi giống quá đi!
Ban trưa mà ngủ! Bất cần chi?
Sống chơi lây lất chờ ngưng thở
Hóa kiếp! Tiêu dao chẳng nghĩ gì!*

*Chó và tôi lại giống nhau ở điểm
Giữa ban trưa mà vẫn ngủ ngon lành
Sống, sống chơi! Chừng hết sống, chết
chơi!*

*Gọi “hóa kiếp”! Nhưng chẳng có kiếp đâu
để hóa!*

*Điều trọng đại: Chết sao nhanh gọn nhẹ!
Phước là đây! Đức lại cũng là đây!
“Ra đi” không khổ! Gọi là người VIÊN
TỊCH*

Thỏng đôi tay mà về lại chốn quê xưa!

Ngày 30 – 10 – 2012 (16 – 9 – Nhâm Thìn)

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Kinh Kim Cang Bát Nhã, đức Phật cho biết rằng: Như Lai có đủ “ngũ nhãn”. Ngũ nhãn là năm thứ mắt, nhưng đừng hiểu Như Lai có năm con mắt hay năm cặp mắt. Nếu quả thật Như Lai có năm con mắt, năm cặp mắt đi nữa thì Như Lai đã thua các đệ tử mình quá xa, vậy còn làm Như Lai gì nữa, dạy ai được nữa, khi mà các học trò hơn mình gần cả ngàn lần. Ngũ nhãn của Như Lai có nghĩa là nhìn hiện tượng sự vật qua năm cách, năm tầng trí tuệ cao thấp khác nhau. Có lúc cần nhìn bằng nhục nhãn thì sử dụng nhục nhãn. Có lúc cần nhìn bằng Thiên nhãn thì sử dụng Thiên nhãn. Có lúc cần nhìn bằng Tuệ nhãn thì sử dụng Tuệ nhãn. Có lúc cần nhìn bằng Pháp nhãn thì sử dụng Pháp nhãn. Có lúc cần nhìn bằng Phật nhãn thì sử dụng Phật nhãn. Sự thật, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ có hai con mắt như trên dưới 8 tỷ người trên mặt địa cầu đã có.

Nhìn bằng cái thấy thông thường của những Kinh tế gia, của những nhà Công thương, Kỹ nghệ, Nông gia... thì người ngủ trưa không quan tâm đến công việc và phận sự của mình, được liệt vào hạng làm biếng hay nói rõ hơn là thành phần biếng nhác. Nhưng nếu nhìn bằng cái nhìn của một Thiền sư, của một Tu sĩ có tu học tốt, thì khác với cái nhìn của những nhà Kinh doanh... kinh tế... Cái thấy qua Tuệ nhãn của một Thiền sư có rất nhiều ý nghĩa qua nhiều mặt đối với người nào đó có đủ điều kiện ngủ trưa. Người không ngủ trưa hoặc muốn ngủ trưa mà ngủ không được, thậm chí có lúc ban đêm muốn ngủ mà cũng không ngủ được vì người đó quá nhiều việc phải lo, quá ưu tư sầu muộn! Người được ngủ trưa, nhìn qua Tuệ nhãn dưới mắt của Thiền sư có thể suy việc mình mà biết việc người: Rằng người đó có thể là người nhàn, có tự do, có tự tại, là người “bất cần” trước công danh, sự nghiệp, phú quý, vinh hoa... Nói theo ngôn ngữ của Thiền sư Lâm Tế, người đó là người vô sự. Nói theo Thiền sư Trần Nhân Tôn tổ Trúc Lâm thì người đó là người vô tâm đối với cảnh. Nói theo Như Huyền Thiền sư thì người đó là người đối với vạn pháp đã có khả năng thị thường, phóng xả, bất động, viễn ly... là người đã có thể đạt đến hay gần đến: Không, Vô tướng, Vô nguyện.

CHÓ và TÔI, sự thật tôi là tôi, chó là chó, vĩnh viễn chó không bao giờ là tôi, và ai cũng biết tôi không bao giờ là chó được! Nhìn thấy chó, mục kích chó, Thiền sư chuyển “Chó” thành đối tượng thiền. Do vậy nói chó sự thật chỉ là nói mình, nói một con người. Tôi giống chó ở điểm ngủ trưa, điều đó có thật, nhưng chó thì không làm sao có biết được vấn đề nhàn, tự do, bất cần, vô sự...

Vấn đề HÓA KIẾP hay không hóa kiếp của chó hay của tôi là một vấn đề lớn, rất lớn. Cả hàng trăm “Cao tăng” từ “hải nội” cũng như “hải ngoại” hai ngàn năm trở lại đây mà vẫn còn loanh quanh luống cuống trong việc này. Xin hẹn để có một... “Hạ hồi phân giải”, nếu còn có đủ điều kiện! Điều tôi ước mơ chung cho tôi và chó, và nếu như ai đó không chê thì tôi cũng ước mơ cho tất cả mọi người khi chết “Chết sao nhanh gọn nhẹ”! Chết mà được nhanh gọn nhẹ là cái chết ít khổ, thậm chí không khổ, tôi cho cái chết đó mới được gọi là VIÊN TỊCH. Được vậy “Thông đôi tay mà về lại chốn quê xưa”./.

Liễu Liễu Đường

6 giờ 15, ngày 11/12/2012 (28-10 Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 28

VÂN VƠ

Vũ trụ không có gì để cho ai được!

Tự cố chí kim! Ai là người đã được gì?

*Loanh quanh rồi “Nhất đán... vạn sự
hữu”!*

*Còn! Lưu lại hai tiếng thị phi trong bầu
trời hậu thế!!!*

Ngày 31 – 10 – 2012

17 – 9 – Nhâm Thìn



TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tôi viết bài thơ mà chẳng có hồn thơ này, và tôi cũng lưỡng lự trước chẳng có mấy người nhất trí đồng tâm để suy gẫm. Do vậy, tôi đặt cho bài thơ với cái nhan đề VẮN VO, nhằm để cho ai đó đỡ bức cái mình khi lỡ đọc. Nhưng đối với tôi thì tôi lại cho bài thơ này là một “bầu trời chân lý”. Tuyệt đại đa số loài người trong cuộc sống “trăm năm”, không ai nhận mình là người không có được. Bởi vì, sự thật người ta thấy rằng người ta được quá nhiều cơ may: Được cha mẹ sanh ra, được cha mẹ cho đi học hành, được đỗ bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ, hậu Tiến sĩ... rồi nhà Bác học, rồi Tam công Tể tướng... Tột đỉnh cái được là Vua, là Tổng Thống... Vậy mà dám nói “Tự cổ chí kim, ai là người đã được gì?”. Thế người ta có cho là nông cũng không phải là oan uổng!

Với cái nhìn của nhục nhãn thì rõ không là oan uổng, nhưng nhìn với cái nhìn Tuệ nhãn của người đệ tử Phật thì “Vũ trụ không có gì để cho ai được” là một bầu trời chân lý. Để hỗ trợ cho ý tứ ấy và giải thích rõ thêm, mời các bạn kiên nhẫn suy gẫm bài kệ dưới đây:

南來北往走西東

看得浮生總是空

天也空地也空

人生渺渺在其中

妻也空子也空

黃泉路上不相逢

金也空銀也空

死後何藏在手中

“Nam lai, Bắc vãng, tẩu Tây Đông

Khán đắc phù sinh tổng thị không

Thiên dã không, Địa dã không

Nhân sanh diều diều tại kỳ trung

Thê dã không, tử dã không

Huỳnh Tuyền lộ thượng bất tương
phùng

Kim dã không, ngân dã không

Tử hậu hà tàng tại thủ trung”.

Dịch:

Qua Nam lại Bắc đi khắp Đông Tây...

*Dừng chân gắm lại tất cả chỉ là phù sinh, tìm
một cái thực hoàn toàn không có*

*Tất cả chỉ là KHÔNG: Trời KHÔNG, đất
cũng KHÔNG*

*Kiếp nhân sanh thì mong manh ảo ảo như
luồng khói*

Vợ không, con cũng không

*Cho nên khi đi trên đường Huỳnh Tuyền
không hề gặp mặt*

Vàng cũng không, bạc cũng không

Khi chết rồi chỉ giữa hai tay không.

Rõ ràng “Nhất đán vạn sự hưu” là vậy.

Ngược dòng lịch sử từ hải ngoại đến hải nội, ta thấy, ta nghe, ta nghiệm: Vua Kiệt được gì, vua Trụ được gì, Chu U Vương được gì... Tào Tháo, Tư Mã Ý... Lý Thế Dân, Triệu Khuông Dã, Chu Nguyên Chương... Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Lê Trung Tông, Lê Long Đình... đã được gì!

Có chăng là: “Còn! Lưu lại hai tiếng thị phi trong bầu trời hậu thế”.

12 giờ, ngày 11/12/2012 (28-10 Nhâm Thìn)



Đối tượng tham thiền 29

TÌM ĐỊA VỊ!

(Hòa thượng Tiến sĩ)

Khất sĩ quê mùa Phật Thích Ca

“Học trò” Tiến sĩ góc trời... xa...

Nhận bằng Tiến sĩ “thêm” danh dự?!

Địa vị ngồi cao chắc mềm... rồi!

Ngày 16/12/2011 (22-11 Tân Mão)

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đã Hòa thượng rồi, mà lại là Hòa thượng “Tiến sĩ” thì dự hội, dự tiệc được “Ngồi cao là chắc mềm rồi”! Tôi viết bài thơ có nhan đề “Tìm địa vị” là nhằm nhắc nhở mình, mình đừng quên mình, mình nên nhớ đức Phật mình và mình là một học

trò của Phật. Nếu mình không quên Thầy mình, mình không quên Phật, thì hẳn mình biết rõ Thầy mình là Phật Thích Ca, một “Khất sĩ quê mùa”. Đã là Khất sĩ quê mùa đương nhiên là không hy vọng, không trông chờ, không mong mỗi ai khen, ai tặng, ai tôn, ai ban bất cứ một thứ danh dự gì.

Viết bài thơ này, chủ ý phát xuất từ lòng tôi, tôi mong: Hàng Tăng Ni trẻ biết chọn trường, chọn thầy mà trao gởi giới thân, tuệ mạng mình trên đường tu học. Hàng Phật tử tại gia thì có được khái niệm căn bản để khỏi lầm khi tìm một Minh sư làm nơi nương tựa quay về Tam bảo.

Vấn đề bằng cấp, tôi đã nói nhiều lần và đang nói, sẽ nói, nói với hàng ngũ Tăng Ni chúng ta: Rằng chúng ta có thể “Học, học nữa và học mãi” mà đừng nên đam mê, ham hố chạy theo bằng cấp. Bằng cấp “quý” lắm, nhưng nó quý với hàng Phật tử tại gia, quý cho tất cả mọi công dân nào cần có một đất nước giàu mạnh.

Phật Thích Ca Bốn sư của chúng ta, theo kinh điển Phật đức Phật là người phát hiện TỰ NHIÊN TRÍ, VÔ SỰ TRÍ, rồi đức Phật được NHẤT THIẾT TRÍ và NHẤT THIẾT CHỨNG TRÍ. Đó là chất liệu kiến thiết nên thành quả Vô thượng Bồ đề. Thành tựu Đạo quả ấy là dựa trên nguyên tắc tu tập GIỚI, ĐỊNH, TUỆ mà được.

Trong quá trình đi tìm chân lý Phật có học, nhưng thành tựu quả Vô thượng Bồ đề thì không có thầy chấm điểm...!

Viết tới đây, tôi nhớ hồi tôi mới vào trường Phật học để học, có lẽ mình có cái chủng tử có tính chất “khờ khờ” sao đó, nên tôi rất ái mộ một cách thâm thiết khi đọc tới đoạn kinh:

芙蓉禪師云:為厭塵勞求脫生死,休心息念,斷絕攀緣,故名出家,豈可等閒利養,埋沒平生.直須兩頭撒開,中間放下,遇聲遇色如石上栽花,見利見名如眼中著屑.況從無始以來不是不曾經歷,何須苦苦貪戀如金不歇,更待何時?

Phù Dung Thiền sư vân: Vị yếm trần lao cầu thoát sanh tử, hưu tâm tức niệm, đoạn tuyệt phan duyên, cố danh xuất gia. Khởi khả đẳng nhàn lợi dưỡng, mai một bình sanh. Trực tu lưỡng đầu tán khai, trung gian phóng hạ, ngộ thanh ngộ sắc như thạch thượng tài hoa, kiến lợi kiến danh như nhãn trung trước tiết. Huống tòng vô thủy dĩ lai bất thị bất tăng kinh lịch, hà tu khổ khổ tham luyến như kim bất hiết, cánh đãi hà thời!?

Dịch:

Phù Dung Thiền sư nói: Vì nhàm chán trần lao, mong ra khỏi sanh tử, ngăn dứt tâm niệm, cắt đứt vọng duyên, gọi đó là người xuất gia, đã là xuất gia không nên lếu láo lợi dưỡng qua ngày vùi lấp ý chí bình sanh! Hãy cắt lìa giữa lục căn và lục trần, lục thức cũng không được đắm mê lưu luyến! Nghe âm thanh, gặp mỹ sắc như cây tròng trên đá. Thấy lợi danh như bụi rớt trong con người. Bởi lẽ từ hồi nào đến giờ chúng ta lăn lộn xuống lên đau khổ quá nhiều rồi, nay có duyên lành được làm Sa môn Khất sĩ mà không gột rửa cái thứ danh lợi ấy thì sao gọi là Sa môn được?

Hàng đệ tử Phật chúng ta bình tâm suy nghĩ lại xem!

17 giờ, ngày 11/12/2012 (28-10 Nhâm Thìn)

Đối tượng tham thiền 30

MỘT ƯỚC MƠ LÝ TƯỞNG

*Tôi muốn chết chơi, chết một mình!
Chết trong quạnh quẽ giữa thênh thênh
Hòa tan vũ trụ theo sương móc
Hội nhập trời mây lẫn nước non!*

Ngày 29/01/20112

(Khuya mừng 7 Tết – Nhâm Thìn)

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

MỘT ƯỚC MƠ LÝ TƯỞNG, có lẽ nên nói rõ hơn, ước mơ này là ước mơ của một “dị nhân kì dị” Như Huyền Thiền sư. Dị nhân kì dị nói ở đây không có nghĩa vĩ đại hay tôn quý, mà có nghĩa con người dị thường, con người kì cục của chính mình.

Có lẽ Như Huyền Thiền sư mới có ước mơ táo bạo và kì dị của riêng mình?

Đúng vậy! Như Huyền Thiền sư hơn 60 năm học đạo, hành đạo và giáo đạo... Qua quá trình Văn, Tư, Tu và kết quả của thời gian Định, Tuệ lâu dài ấy, mà xác định và tự tin giáo lý của đạo Phật, lời dạy của đức Phật rõ ràng và rất rõ như một với một là hai, hai lần hai là bốn vậy. Tự tin và thấy rõ, biết rõ thân Ngũ uẩn nói hẹp, thân Thất đại nói rộng, rõ ràng là vô ngã. Khi còn sống, thân ngũ uẩn thất đại còn hòa hợp, thì gọi là tồn sinh. Khi hết sống, thân ngũ uẩn thất đại chia ly tan rã, thì gọi là tử biệt. Tồn sinh hay tử biệt, đạo Phật gọi đó là duyên. Duyên có nghĩa là điều kiện, do điều kiện nhiều không thể tìm đầu mối được, kinh điển gọi đó là trùng trùng duyên khởi. Thân ngũ uẩn thất đại của một con người một động vật cao cấp nói hẹp, sơn hà đại địa hết thảy, cái gì có trong vũ trụ đều do duyên, do vô số điều kiện “hợp”, “ly” một cách nhiệm mầu vô cùng vô tận...

Cái thân ngũ uẩn thất đại khi chết chỉ là chúng ta thấy biết ở nhằm giai đoạn “Ấm thân vô chủ chừ vô dụng. Duyên khởi từ không trở lại không”, vậy thôi! Chẳng có gì đáng quan tâm, càng không nên có ý niệm khiếp sợ, đó chỉ là cái thời điểm: Đại nào trả về cho đại ấy. Ấm nào trả về cho

ấm ấy. Tánh nào trả về cho tánh ấy. Những gì thuộc chất còn lại thì mục nát, rồi tan rã, rồi hòa hợp với tánh và chất của “ấm”, của “đại” lần khác mà thôi!

Cái ước mơ lý tưởng như nội dung của bài thơ này là Thiền sư thấy rõ biết rõ nguồn giáo lý của đạo Phật, cũng như những lời Phật dạy rằng: Sanh tử chỉ là sự “hợp ly”, sự “ẩn hiển” tùy thuận an bài theo chân lý duyên sanh. Cho nên, Như Huyền Thiền sư tự hối tiếc, tự ăn năn về những điểm sơ học sai lầm, những điểm giáo đạo, truyền đạo sai lầm của mình chiếm một khoảng đời mình không ít...

Đạo Phật chánh thống, giáo lý đạo Phật chánh thống, lời Phật dạy chánh thống không chủ trương khi chết còn một cái hồn bất tử để đi tới đi lui từ linh sàng ra mộ, tự mộ vào linh sàng, để thọ nhận những lời khẩn nguyện cầu khẩn van xin dùm của bất cứ ai... cũng không có cái hồn để cho ai đó rước hay đưa từ xứ này đến xứ nọ, hay từ thế giới cực khổ để tự nhiên đột nhập đến một thế giới an vui gần xa nào đó, kể cả Tây phương Cực lạc.

Dựa trên ý tưởng đại lược đã giới thiệu trên mà Thiền sư ước khi sắp chết, thời gian sắp chết đừng ai xúm nhau hộ niệm ầm ỉ rền nhà, rền thất, rền am, rền chùa... như cái phong tục của những

người không phải đạo Phật chánh thống bày ra. Nói như vậy, có thể bị số đông phản ứng, điều đó tôi đã dự liệu rồi. Nhưng tôi nói đây chỉ là nói theo cái học cái hiểu của mình, còn những thiện hữu tri thức pháp lữ gần xa, những Phật tử đọc bài này thấy là vô lý thì cứ ném bỏ đi, không có lỗi gì với ai và càng không có cái gọi là “tội” gì ráo!

Vấn đề cái hồn, vấn đề cái thân trung ấm, vấn đề Phật, Bồ tát rước hồn đi... tôi đã học ngay từ năm đầu khi tôi vào trường Phật học, những mười mấy năm học tập khá dài ấy tôi thường ưu tư thao thức về những vấn đề cái hồn, về thân trung ấm, về quỷ sứ Diêm vương hành hạ con người, về Ngọc Hoàng Thượng đế ra lệnh Nam Tào Bắc Đẩu thêm tuổi bớt tuổi... Có thể nói tôi dần vật ưu tư khổ tâm vì những lý thuyết ấy. Đối với đạo Phật thiết thì đó là những giáo lý, những kinh điển lai căn của những thành phần THƯỜNG KIẾN ngoại đạo...! Cả đời đức Phật chẳng có cầu nguyện cho một tên đệ tử nào, khi sống thì “vô cơ cần chi ưu”, khi chết thì đẩy hồn cho họ “tốc vãng vô lượng quang Phật sát”, nói rõ hơn là đẩy hồn lên cõi Cực lạc Tây phương.

Nội dung bài thơ có cái nhan đề ƯỚC MƠ LÝ TUỞNG phát xuất từ tận đáy lòng của Như Huyền Thiền sư sau hơn 60 năm tu học! Nhưng tôi

viết là viết vậy thôi, nói là nói vậy thôi, ý nghĩ của mình như vậy, viết ra như vậy, nói ra như vậy. Sự thật có thể khẳng định không lầm rằng: Nghĩ gì, viết gì, nói gì cũng không trùng mới là trùng.

Liễu Liễu Đường

7 giờ, ngày 12/12/2012 (29-10 Nhâm Thìn)

LỜI CUỐI SÁCH

NGÓN TAY CHỈ TRĂNG thơ mà thêm phần “Trực chỉ đề cương” rõ là không phải loại thơ “ngâm”. Thơ ngâm thì phải có phong nguyệt, phải có “hồn lai láng”: Buồn nhớ, thương yêu! ... mới phải!

THƠ mà còn “Trực chỉ đề cương” là “Thơ kệ”! Thơ, đọc rồi còn phải “Tư Tu” (Văn Tư Tu), phải Thiền định, quán chiếu, bằng tâm trí của độc giả thêm vào thì mới thấy cái dụng cần thiết của thơ, cũng như chúng ta ăn mía... vậy! Chúng ta để ý: Đây là đề tài, đối tượng tham thiền, Như Huyền Thiền sư moi móc ý kinh lời Phật để gọi ra cho những Phật tử hữu duyên suy gẫm tư duy, khỏi khổ công kiếm tìm khó nhọc! Vậy thôi!

Mong rằng Phật tử hãy phát huy “Tự nhiên trí, Vô sư trí” của mình! Phật ta xưa kia được NHẤT THIẾT TRÍ, NHẤT THIẾT CHỨNG TRÍ, khởi đầu cũng đi theo lộ trình ấy.

Thuốc trị bệnh, chỉ trị bệnh không chết! Phật,
kinh điển Phật chỉ hóa độ người hữu duyên!

Thế cho nên, VIẾT GÌ, NÓI GÌ, NGHĨ GÌ
“cũng không bao giờ trúng”!

Liều Liều Đường, Đồi Tà Dương
4 giờ khuya, ngày 02/02/2012
11 tháng giêng Nhâm Thìn



MỤC LỤC

TỰA	Trang 5
1 Đối tượng tham thiền 1: Tà huy tự cảm.....	7
2 Đối tượng tham thiền 2: Hiếu tử?.....	10
3 Đối tượng tham thiền 3: Trường học không tên.....	15
4 Đối tượng tham thiền 4: Uống trà.....	19
5 Đối tượng tham thiền 5: Dự đoán.....	23
6 Đối tượng tham thiền 6: Gà gáy trưa.....	27
7 Đối tượng tham thiền 7: Bước nhàn du.....	30
8 Đối tượng tham thiền 8: Ngẫu hứng.....	34
9 Đối tượng tham thiền 9: Pháp tánh.....	38
10 Đối tượng tham thiền 10: A Di Đà Phật, Ông là ai?...	41
11 Đối tượng tham thiền 11: Kiến thủ kiến.....	45
12 Đối tượng tham thiền 12: Thiền sư	49
13 Đối tượng tham thiền 13: Thiền sư	53
14 Đối tượng tham thiền 14: Thiền sư	57
15 Đối tượng tham thiền 15: Đừng hỏi tại sao?.....	60
16 Đối tượng tham thiền 16: Danh là cái chi chi?.....	64

17 Đối tượng tham thiên 17: Chợt nhớ.....	68
18 Đối tượng tham thiên 18: Đế vương.....	73
19 Đối tượng tham thiên 19: Nói gì đây?.....	76
20 Đối tượng tham thiên 20: Tiền Xích Bích.....	81
21 Đối tượng tham thiên 21: Pháp vương.....	87
22 Đối tượng tham thiên 22: Tên gọi!.....	89
23 Đối tượng tham thiên 23: Tự nói.....	93
24 Đối tượng tham thiên 24: Asean Chủ tịch Hội nghị 2010 thành công rực rỡ.....	97
25 Đối tượng tham thiên 25: Cầu bất đắc!.....	100
26 Đối tượng tham thiên 26: Cái Ô.....	103
27 Đối tượng tham thiên 27: Chó và Tôi.....	108
28 Đối tượng tham thiên 28: Vãn vợ.....	113
29 Đối tượng tham thiên 29: Tìm địa vị!.....	118
30 Đối tượng tham thiên 30: Một ước mơ lý tưởng.....	122
31 LỜI CUỐI SÁCH	127

KINH LUẬN DO HÒA THƯỢNG TỬ THÔNG

Biên Dịch

ĐÃ XUẤT BẢN :

- 1) PHÁP HOA KINH
Thâm Nghĩa Đề Cương
- 2) BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 3) KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 4) DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH
TUYỂN TRẠCH TÂN TU
- 5) THỦ LĂNG NGHIÊM KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 6) THỦ LĂNG NGHIÊM KINH
TUYỂN TRẠCH TÂN TU
- 7) NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 8) CHÚNG ĐẠO CA
Trực Chỉ Đề Cương
- 9) DUY THỨC HỌC YẾU LUẬN
Trực Chỉ Đề Cương
- 10) ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH
Trực Chỉ Đề Cương

GIÁO TRÌNH HƯỚNG DẪN TU HỌC TỪ XA

Do Hòa thượng TỪ THÔNG
hiệu NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ
Biên soạn

ĐÃ XUẤT BẢN :

- 1) NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ THI TẬP (Thơ)
Trực chỉ đề cương
- 2) NGÓÙN TAY CHỈ TRẮNG 1 - 12 (Thơ)
Trực chỉ đề cương
- 3) NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY
- 4) HỒI KÝ NHỚ ƠN THẦY
- 5) NHẬP PHẬT TRI KIẾN